

Số: 2203 /BC-SNN

Đắk Nông, ngày 20 tháng 9 năm 2019

BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ

Tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020, định hướng thực hiện giai đoạn sau năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2010 - 2020

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 (sau đây gọi tắt là Chương trình) thì đầu năm 2011 tỉnh Đắk Nông đã tiến hành tổ chức triển khai thực hiện Chương trình tại địa phương; bắt tay vào thực hiện Chương trình thì địa phương có những thuận và những khó khăn nhất định:

1. Thuận lợi

Tỉnh Đắk Nông nằm ở phía Tây Nam vùng Tây Nguyên, phía Bắc và Đông Bắc giáp tỉnh Đắk Lắk, phía Đông và Đông Nam giáp tỉnh Lâm Đồng, phía Nam giáp tỉnh Bình Phước, phía Tây giáp Campuchia với 130 km đường biên giới; trên địa bàn tỉnh có quốc lộ 14 nối Đắk Nông với các tỉnh vùng Đông Nam Bộ và thành phố Hồ Chí Minh về phía Nam, nối với Đắk Lắk và các tỉnh Bắc Tây Nguyên về phía Bắc; có quốc lộ 28 nối Đắk Nông với tỉnh Lâm Đồng và Bình Thuận; Với vị trí địa lý như trên tạo điều kiện cho tỉnh có thể mở rộng giao lưu với các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và Duyên hải miền Trung, tăng cường liên kết giữa Đắk Nông với các tỉnh thuộc Đông bắc Campuchia về mở rộng thị trường, phát triển hợp tác liên vùng và quốc tế.

Tỉnh có tài nguyên đất phong phú, màu mỡ, độ dốc vừa phải; có hệ thống sông, suối đa dạng; điều kiện khí hậu mát mẻ thích hợp cho phát triển cây công nghiệp lâu năm có giá trị xuất khẩu cao (tiêu, điều, cà phê,...) và phát triển ngành chăn nuôi (bò, heo, gà, dê,...); Do đó từng bước góp phần nâng cao thu nhập, giảm hộ nghèo cho vùng nông thôn, góp phần rất tích cực cho việc thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới là Chương trình lớn, tổng thể được Đảng, Chính phủ quan tâm triển khai tổ chức thực hiện, do đó rất thuận lợi trong quá trình quán triệt triển khai thực hiện Chương trình ở các địa phương cơ sở.

Những thành tựu phát triển sau 7 năm thành lập tỉnh 2004 - 2010 đã tạo tiền đề rất lớn cho việc triển khai thực hiện Chương trình. Hiệu quả của dự án khai khoáng bô xít và việc đầu tư của Trung ương nâng cấp các tuyến Quốc lộ, đường Hồ Chí Minh; khả năng thu hút vốn ODA, FDI... sẽ tác động rất lớn cho phát triển kinh tế trên địa bàn; các chính sách ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh tạo điều kiện thu hút các nguồn lực cho đầu tư phát triển; cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư có sự chuyển dịch bước đầu; văn hóa - xã hội phát triển; sau Đại hội Đảng bộ các cấp, tổ chức bộ máy được kiện toàn, đồng bộ và nâng cao chất lượng theo chiều rộng và chiều sâu và đã tạo nên sức chiến đấu mới trong thời kỳ mới, từ đó tác động rất lớn trong việc triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

2. Khó khăn, hạn chế

Tỉnh Đắk Nông là tỉnh mới được chia tách, thành lập trên cơ sở các huyện nghèo của tỉnh Đắk Lắk. Bắt tay vào thực hiện Chương trình thì xuất phát điểm của các xã còn ở rất thấp, hầu hết các xã chưa có quy hoạch phát triển chung, tổng thể; cơ sở hạ tầng thiết yếu còn hạn chế; tình hình phát triển sản xuất còn manh mún, tự phát, chưa có sự liên kết chặt chẽ giữa nhà nông dân, doanh nghiệp; tỷ lệ hộ nghèo còn cao (*tỷ lệ hộ nghèo năm 2010 chiếm 29,25%*), thu nhập bình quân đầu người năm 2010 chỉ đạt khoảng 15 triệu đồng/năm. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động ở nông thôn còn chậm; các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp có quy mô nhỏ, khả năng cạnh tranh thấp nên việc huy động nguồn lực tại chỗ để thực hiện Chương trình là rất khó khăn; chất lượng lao động nông nghiệp, nông thôn còn thấp so với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhất là ở vùng sâu, vùng xa.

Nhu cầu kinh phí đầu tư để đạt chuẩn nông thôn mới là rất lớn (*bình quân khoảng 350 tỷ/xã*), nhưng thực tế khả năng kinh phí đầu tư trực tiếp từ ngân sách Trung ương là rất ít, ngân sách địa phương chưa cân đối được nên để đạt chuẩn xã nông thôn mới theo là rất khó khăn.

Trên địa bàn tỉnh có người đồng bào dân tộc thiểu số và các hộ nghèo chiếm tỷ lệ cao, do đó trong những năm đầu triển khai thực hiện Chương trình thì không tránh khỏi việc trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư của Nhà nước, vì vậy kết quả đạt được trong giai đoạn đầu (giai đoạn 2010-2015) là rất thấp.

Kết quả ra soát, đánh giá theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới vào đầu năm 2011 thì bình quân mỗi xã trên toàn tỉnh mới chỉ đạt 3,1 tiêu chí/xã, trong đó xã đạt cao nhất mới chỉ đạt 9 tiêu chí, có 15 xã đạt từ 5-10 tiêu chí, có đến 46 xã đạt dưới 5 tiêu chí (chiếm 75,4%), trong đó có nhiều xã còn trắng tiêu chí (chưa đạt tiêu chí nào) và có nhiều tiêu chí chưa có xã nào đạt (như tiêu chí số 2 về giao thông, số 6 về cơ sở vật chất văn hóa, số 9 về nhà ở dân cư, số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm,...).

II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Vai trò chỉ đạo, lãnh đạo, điều hành của các cấp, các ngành trong xây dựng nông thôn mới

- Giai đoạn 2010-2015: Trong giai đoạn này thì cấp ủy, chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh đã chủ động chỉ đạo thành lập Ban Chỉ đạo, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới và Bộ phận tham mưu giúp việc ở các cấp theo quy định của Trung ương. Đồng thời đã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình như: xây dựng các kế hoạch triển khai thực hiện theo giai đoạn và hàng năm; ban hành Bộ tiêu chí về xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình; xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, đào tạo, tập huấn về xây dựng nông thôn mới; đồng thời phân công trách nhiệm cho các cấp, các ngành trong việc triển khai thực hiện các nội dung, tiêu chí;... Tuy nhiên, trong giai đoạn này cán bộ được giao tham mưu thực hiện xây dựng nông thôn mới ở các cấp, các ngành chủ yếu là kiêm nhiệm; sự vào cuộc của các cấp, các ngành còn chưa cao, bị động; sự nhận thức, hiểu biết của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về Chương trình còn mơ hồ; do đó chưa có sự vào cuộc, đóng góp tích cực để thực hiện Chương trình. Vì vậy sự chuyển biến về kết quả thực hiện Chương trình trong giai đoạn này chưa cao, đến cuối năm 2015 mới có 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới và bình quân mỗi xã mới đạt 9,5 tiêu chí/xã, tăng 6,4 tiêu chí so với năm 2011.

- Giai đoạn 2016-2020: Kế thừa, phát huy những kết quả đã đạt được trong giai đoạn 2010-2015 và căn cứ vào tình hình thực tế, chỉ đạo của Trung ương thì cấp ủy, chính quyền các cấp đã tích cực, chủ động hơn trong việc chỉ đạo, điều hành tổ chức thực hiện Chương trình. Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 05/5/2016 về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; HĐND tỉnh đã ban hành cơ chế chính sách về quy định mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước cho việc thực hiện các nội dung của Chương trình và chính sách khen thưởng trong phong trào thi đua “Đấu Nông chung sức xây dựng nông thôn mới”, đồng thời hàng năm đã đưa ra các chỉ tiêu về nông thôn mới trong Nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;... Ban Chỉ đạo đã được kiện toàn, thành lập thành Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia theo Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 24/10/2016 và có quy chế hoạt động, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên. Hệ thống văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp đã được kiện toàn theo quy định tại Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và từng bước hoạt động hiệu quả hơn nên đã khẳng định được vai trò trong công tác tham mưu, giúp việc cho Ban Chỉ đạo. Hệ thống văn bản pháp lý để triển khai thực hiện Chương trình được các ngành, các cấp ban hành đầy đủ. Công tác tuyên truyền, vận động và đào tạo, tập huấn được triển khai mạnh mẽ và sâu rộng hơn; nhận thức của cán bộ, đảng viên và người dân về Chương trình được nâng cao hơn, người dân, doanh nghiệp đã tích cực, chủ động tham gia đóng góp thực hiện Chương trình; do đó kết quả thực hiện Chương trình đã có nhiều chuyển biến tích cực, đến nay đã có 16 xã đạt chuẩn và bình quân mỗi xã đạt 13,44 tiêu chí/xã.

2. Đánh giá, kết quả xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách để thực hiện hiệu quả Chương trình (Có biểu 01 đính kèm)

Nhằm tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình xây dựng nông thôn mới thì trong thời gian qua Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh Đắk Nông đã ban hành một số Nghị quyết, Quyết định về các cơ chế chính sách nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội chung của toàn tỉnh cũng như thực hiện tốt các nội dung của Chương trình xây dựng nông thôn mới, cụ thể như: Nghị quyết số 03/NQ-TU ngày 05/5/2016 của Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết 04-NQ/TU ngày 27/7/2016 của Tỉnh ủy về công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 28/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết 21/2013/NQ-HĐND ngày 19/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho một số nội dung, công việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2013-2020; Nghị quyết số 29/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ cấu nguồn vốn thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương và giao thông nông thôn giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 28/2016/QĐ-UBND ngày 22/8/2016 về ban hành Quy định thực hiện Chương trình kiên cố hóa kênh mương và giao thông nông thôn giai đoạn 2016-2020; Chính sách khen thưởng công trình phúc lợi cho các địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; Nghị quyết về quy định tỷ lệ, định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu trong việc triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 (Nghị quyết 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018); Nghị quyết về tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững tỉnh Đắk Nông đến năm 2020, định hướng đến năm 2020 (Nghị quyết 05/NQ-HĐND ngày 02/8/2018); Nghị quyết về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh (Nghị quyết 12/NQ-HĐND ngày 02/8/2018)...., ... Đồng thời triển khai xây dựng và ban hành đầy đủ các Kế hoạch, văn bản liên quan đến quản lý, điều hành và giám sát thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh như: Phê duyệt danh mục dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh (Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 16/5/2018); giao kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 (Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 07/6/2018). Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao (Quyết định số 1457/QĐ-UBND ngày 17/9/2018); Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu (Quyết định số 1393/QĐ-UBND ngày 06/9/2018); Bộ tiêu chí vườn mẫu-rẫy mẫu (Quyết định số 1467/QĐ-UBND ngày 18/9/2018); Ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao (Quyết định số 2115/QĐ-UBND ngày 20/12/2018), Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu và Bộ tiêu chí vườn mẫu - rẫy mẫu (Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 20/12/2018),...

Nhìn chung việc ban hành kịp thời các cơ chế chính sách đã góp phần thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh cũng như đẩy nhanh tiến độ

thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh ngày càng có chất lượng và bền vững hơn.

3. Xây dựng đồng bộ hệ thống Bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình

a) Mô hình tổ chức bộ máy chỉ đạo Chương trình từ cấp tỉnh đến xã, thôn

Trong giai đoạn qua, căn cứ các quy định, chỉ đạo của Trung ương thì địa phương đã tiến hành thành lập, kiện toàn đầy đủ hệ thống tổ chức bộ máy chỉ đạo Chương trình từ cấp tỉnh tỉnh đến cấp xã và thôn, bon, buôn theo quy định của Trung ương, cụ thể:

- Ở cấp tỉnh: Trong giai đoạn 2011-2015 đã thành lập Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và hiện nay đã được kiện toàn và thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 (*Ban chỉ đạo chung của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững*) gồm 36 thành viên, trong đó: Trưởng Ban Chỉ đạo là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; 02 phó Trưởng Ban Chỉ đạo gồm: Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh vực Nông Lâm nghiệp và Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh vực Văn hóa - Xã hội; 04 Ủy viên thường trực gồm: Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Trưởng Ban Dân tộc tỉnh và mời 29 Sở, Ban, ngành có liên quan làm thành viên.

Đề hoạt động có hiệu quả thì Ban chỉ đạo tỉnh đã ban hành Quy chế hoạt động tại Quyết định số 292/QĐ-BCĐ ngày 22/02/2017 về ban hành quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020, trong đó đã quy định cụ thể quyền hạn, nhiệm vụ của Trưởng ban, các Phó Trưởng ban, các Ủy viên Thường trực và các thành viên khác để chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ có liên quan đến hai Chương trình mục tiêu quốc gia (*Xây dựng nông thôn mới và Giảm nghèo bền vững*) trên địa bàn tỉnh.

- Ở cấp huyện: Tương tự như ở cấp tỉnh, trong giai đoạn 2011-2016 các huyện, thị xã cũng đã thành lập Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới và đến nay đã kiện toàn, thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp huyện để chỉ đạo, điều hành chung cả 02 Chương trình và đã ban hành quy chế hoạt động để triển khai tổ chức thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của 02 Chương trình trên địa bàn huyện, thị xã.

- Ở cấp xã và thôn bon, buôn: Để tổ chức triển khai thực hiện Chương trình tại cơ sở thì 61/61 xã của tỉnh đã thành lập, kiện toàn Ban quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp xã và 679/679 thôn, bon, buôn, bản đã thành lập Ban phát triển thôn, bon, buôn. Ngoài ra, để huy động được sự vào của tất cả các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn xã thì UBND tỉnh đã chỉ đạo các xã thành lập thêm Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp xã và đến nay đã có 61/61 xã thành lập Ban chỉ đạo cấp xã do đồng chí Bí thư xã làm Trưởng ban chỉ đạo.

b) Kết quả kiện toàn Bộ máy giúp việc cho Ban chỉ đạo các cấp theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016

Thực hiện Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp thì UBND tỉnh, Ban chỉ đạo tỉnh đã chỉ đạo tổ chức kiện toàn bộ máy giúp việc cho Ban chỉ đạo ở các cấp, cụ thể:

- Ở cấp tỉnh: Đã thành lập, kiện toàn Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh để giúp việc cho Ban Chỉ đạo tỉnh trong việc tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Chánh Văn phòng Điều phối do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiêm nhiệm, 01 Phó Chánh Văn phòng do Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn kiêm nhiệm và 01 Phó Chánh văn phòng chuyên trách. Tổng cán bộ của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh là 16 người, trong đó có 8 cán bộ chuyên trách (04 biên chế và 04 hợp đồng) và 8 cán bộ từ các Sở, ban ngành hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh có trụ sở đặt tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có con dấu và tài khoản riêng để hoạt động.

- Ở cấp huyện: 08/08 huyện, thị xã đã kiện toàn, thành lập Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện, thị xã theo quy định. Chánh Văn phòng Điều phối do Phó chủ tịch ủy ban nhân dân huyện, thị xã kiêm nhiệm; Phó chánh Văn phòng do Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Trưởng phòng Kinh tế thị xã kiêm nhiệm; Cán bộ Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện chủ yếu do cán bộ phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các phòng, ban khác của huyện làm kiêm nhiệm.

- Ở cấp xã: Để giúp việc cho Ban quản lý cấp xã thì 61/61 xã đã bố trí cán bộ làm nhiệm vụ tổng hợp, báo cáo xây dựng nông thôn mới, tuy nhiên chủ yếu là làm kiêm nhiệm, cụ thể: Có 01 xã đã bố trí cán bộ chuyên trách làm xây dựng nông thôn mới, 51 xã bố trí cán bộ địa chính, xây dựng kiêm nhiệm và 9 xã bố trí cán bộ văn phòng thống kê kiêm nhiệm.

c) Đánh giá chung về những thuận lợi, hạn chế liên quan đến bộ máy chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chương trình

- *Thuận lợi*: Bộ máy chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chương trình đến nay được thành lập khá đầy đủ và đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã và thôn, bon, buôn. Các thành viên trong Ban chỉ đạo và bộ phận giúp việc các cấp được phân công nhiệm vụ rõ ràng trong việc tham mưu, thực hiện Chương trình nên thuận lợi trong quá trình phối hợp và chỉ đạo thực hiện.

- *Khó khăn, hạn chế*: Một số thành viên trong Ban chỉ đạo ở các cấp đôi lúc chưa thực sự vào cuộc quyết liệt trong công tác tham mưu, chỉ đạo. Sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị và các địa phương chưa thực sự nhịp nhàng dẫn đến chất lượng tham mưu, tổ chức thực hiện Chương trình chưa được cao. Cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới ở các cấp chủ yếu hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, nhất là ở cấp huyện và cấp xã nên công tác tham mưu, triển khai

thực hiện còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là công tác tổng hợp báo cáo, tham mưu kế hoạch triển khai thực hiện.

4. Nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới ở các cấp

Trong thời gian qua công tác đào tạo, tập huấn đã được các cấp, các ngành chú trọng, quan tâm triển khai thực hiện; số lượng và nội dung tập huấn ngày càng phong phú, sát thực với Chương trình. Trong giai đoạn 2011-2019 các cơ quan, đơn vị và địa phương đã tổ chức được 129 lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực và triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình cho hơn 9.170 lượt cán bộ cán bộ, người dân tham gia; Đồng thời, hàng năm cử 01 đoàn cán bộ từ cấp tỉnh, huyện đến cấp xã đi tham dự các lớp tập huấn do Ban Chỉ đạo Trung ương và Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương tổ chức để nâng cao năng lực tham mưu triển khai thực hiện Chương trình. Ngoài ra, các đơn vị, địa phương đã tổ chức được hàng trăm lớp tập huấn về các cơ chế chính sách khuyến nông, giáo dục nghề nghiệp, phát triển nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới...và các buổi hội nghị, hội thảo về áp dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật vào phát triển sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng cho các sản phẩm góp phần xây dựng nông thôn mới.

Nhìn chung trong thời gian qua công tác đào tạo, tập huấn về xây dựng nông thôn mới đã được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện, đã từng bước nâng cao được nhận thức và nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới ở các cấp. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện còn gặp những khó, vướng mắc như: Kinh phí bố trí cho công tác đào tạo, tập huấn trong thời gian qua rất hạn hẹp, chủ yếu trích từ nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình, còn ngân sách địa phương ở các cấp chưa bố trí được, do đó công tác đào tạo, tập huấn chưa được triển khai sâu rộng và thường xuyên đến tận cán bộ thôn, bon, buôn và người dân; Cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới ở các cấp chủ yếu hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm và thường xuyên có sự thay đổi, do đó rất khó khăn trong quá trình đào tạo, tập huấn theo các chuyên đề chuyên sâu để nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn trong công tác tham mưu xây dựng nông thôn mới.

5. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về xây dựng nông thôn mới

a) Kết quả thực hiện công tác tuyên truyền, vận động

Công tác tuyên truyền, vận động xây dựng nông thôn mới trong thời gian qua đã được các cấp ủy Đảng, chính quyền, các Sở, Ban, ngành, đoàn thể và các địa phương quan tâm triển khai thực hiện; các cơ quan, đơn vị đã lồng ghép giữa công tác chuyên môn gắn với tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới vào các cuộc họp, hội nghị, đã tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của cán bộ, đảng viên về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Đồng thời, bằng các hình thức, nội dung phong phú, đa dạng, các cơ quan, đơn vị đã tổ chức tuyên truyền sâu rộng đến tận quần chúng nhân dân để hiểu rõ mục đích ý nghĩa của Chương trình xây dựng nông thôn mới từ đó huy động được sự tham

gia hưởng ứng tích cực từ người dân trong việc thực hiện các nội dung của Chương trình, cụ thể như:

Hưởng ứng lời kêu gọi của Thủ tướng chính phủ về phát động phong trào “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, tỉnh Đắk Nông đã phát động phong trào thi đua “Đắk Nông chung sức xây dựng nông thôn mới”, đồng thời các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, các Sở, Ban, ngành, đoàn thể và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh đã tổ chức phát động các phong trào thi đua, điển hình như: phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới” của Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh; “Tuổi trẻ Đắk Nông chung tay xây dựng nông thôn mới” của Tỉnh đoàn; “Phụ nữ Đắk Nông chung sức, chung lòng xây dựng nông thôn mới” của Hội phụ nữ; “Nông dân các dân tộc tỉnh Đắk Nông chung tay xây dựng nông thôn mới” của Hội nông dân tỉnh; “Sáng tạo trong đội ngũ cán bộ, công nhân viên chức về công cuộc xây dựng nông thôn mới” của Liên đoàn lao động tỉnh; Hội người cao tuổi và Hội cựu chiến binh tiếp tục phát động phong trào thi đua yêu nước “tuổi cao - gương sáng”; Hội cựu chiến binh phát huy bản chất người lính cụ Hồ đoàn kết chung tay xây dựng nông thôn mới”; Bộ đội Biên phòng tỉnh với phong trào “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”; Công an tỉnh với phong trào “Công an tỉnh Đắk Nông chung sức xây dựng nông thôn mới”...và có 8/8 huyện, thị xã tổ chức phát động thi đua xây dựng nông thôn mới tới mọi người dân. Các tổ chức hội, đoàn thể như: Hội nông dân tỉnh, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, hội cựu chiến binh đã triển khai tổ chức hội thi tìm hiểu về Chương trình xây dựng nông thôn mới từ cấp xã đến cấp tỉnh tạo được cách làm mới trong công tác tuyên truyền, vận động mang lại hiệu quả thiết thực đến nhận thức của người dân.

Cùng với các đợt phát động thi đua, tổ chức các hội thi, hội thảo, các lớp tập huấn cho cán bộ, người dân thì các đơn vị, địa phương, nhất là Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh đã xây dựng trang thông tin điện tử tuyên truyền về chương trình xây dựng nông thôn mới “nongthonmoi.daknong.gov.vn” đi vào hoạt động có hiệu quả; đồng thời hàng năm in ấn và cấp phát hàng trăm cuốn sổ tay hướng dẫn, tờ rơi, làm các panô, áp phích, đĩa DVD phóng sự để tuyên truyền về các nội dung xây dựng nông thôn mới đến tận người dân trên địa bàn. Các cơ quan báo chí của tỉnh, huyện, nhất là Báo Đắk Nông, Đài Phát thanh và Truyền hình, Cổng thông tin điện tử tỉnh đã quan tâm dành nhiều thời lượng hơn, xây dựng các chuyên trang, chuyên mục về xây dựng nông thôn mới để đưa tin tuyên truyền hàng ngày.

Hàng năm, UBND các huyện (tiêu biểu là Đắk R'lấp, Cư Jút, Krông Nô,..) đã tổ chức lễ phát động phong trào ra quân thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện, từ đó đã huy động được sự chung tay vào cuộc của các tổ chức chính trị - xã hội và nhất là sự hưởng ứng tích cực của người dân trên địa bàn huyện; Đồng thời, hàng năm Đài Phát thanh truyền hình các huyện, thị xã đã sản xuất được hàng trăm chương trình truyền hình, truyền thanh phản ánh đầy đủ kịp thời các sự kiện kinh tế,

chính trị, an ninh quốc phòng trên địa bàn huyện nhất là lĩnh vực liên quan đến Chương trình nông thôn mới.

Bên cạnh đó, hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc hỗ trợ, đỡ đầu cho các xã trong xây dựng nông thôn mới thì đã 148 đơn vị đăng ký hỗ trợ, đỡ đầu cho 61 xã trong xây dựng nông thôn mới. Trong thời gian qua các đơn vị đã tiến hành thực hiện việc ký kết và hỗ trợ cho các xã bằng nhiều hình thức, cách làm khác nhau như: hỗ trợ công tác tuyên truyền, vận động; đào tạo, tập huấn; giữ gìn bảo vệ môi trường; phát triển sản xuất; các vấn đề về an sinh xã hội và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng,.... quy đổi thành tiền được trên 100 tỷ đồng.

Nhìn chung, công tác tuyên truyền, vận động về xây dựng nông thôn mới trong thời gian qua đã được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện đúng mức, kịp thời, đã nâng cao được nhận thức, chuyển biến hành động của cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp, cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới; đa số người dân đã ý thức được vai trò chủ thể của mình, khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại, đã chủ động tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới với nhiều cách làm sáng tạo và có ý thức trong việc đóng góp ngày công, vật chất, hiến đất đai,... để xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã trở thành phong trào thi đua có sức lan toả mạnh mẽ, huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc, được toàn xã hội quan tâm, hưởng ứng tham gia tích cực; dân chủ cơ sở được phát huy, ý thức, trách nhiệm, tinh thần làm chủ của người dân được nâng lên rõ rệt, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội, đã xuất hiện nhiều cách làm sáng tạo, huy động được nhiều nguồn lực đóng góp cho xây dựng nông thôn mới.

b) Những thuận lợi, khó khăn về thực hiện công tác tuyên truyền, vận động

** Thuận lợi:*

- Trong thời gian qua các cấp ủy đảng, chính quyền, các Sở, Ban, ngành, đoàn thể và các địa phương đã quan tâm, chỉ đạo kịp thời và xem đây là nhiệm vụ xuyên suốt trong quá trình thực hiện công tác chuyên môn gắn với thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Người dân đã nâng cao được nhận thức và ý thức được trách nhiệm của mình trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nhất là trong việc nâng cao tổ chức phát triển sản xuất và đóng góp ngày công, tiền bạc, hiến đất đai trong việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, do đó khi tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình thì người dân tích cực tham gia hưởng ứng thực hiện.

** Khó khăn:*

Công tác tuyên truyền, vận động trong thời gian qua đã được các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện hiệu quả; tuy nhiên trong quá trình triển khai còn gặp những khó khăn, vướng mắc như:

- Sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị và địa phương chưa chặt chẽ nên công tác tuyên truyền, vận động đôi lúc còn trùng lặp nội dung, phương thức, địa điểm tuyên truyền.

- Một số đơn vị, địa phương chưa dành sự quan tâm đúng mức cho việc thực hiện công tác tuyên truyền; công tác tuyên truyền đôi lúc còn mang tính hình thức, chưa chú trọng đến tình hiệu quả.

- Một số địa phương có cơ sở hạ tầng truyền thông và thông tin ở cơ sở chưa đầy đủ, bị xuống cấp làm ảnh hưởng rất lớn đến công tác tuyên truyền.

- Một bộ phận người dân còn hiểu chưa đầy đủ về mục đích và ý nghĩa của Chương trình, còn trông chờ ỷ lại vào sự đầu tư của Nhà nước, do đó gặp nhiều khó khăn trong quá trình vận động, nhất là các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số.

- Các xã trên địa bàn tỉnh có địa hình phức tạp, dân cư không tập trung, một số huyện, xã có người đồng bào dân tộc thiểu số chiếm đa số, trình độ dân trí còn nhiều hạn chế nên việc nhận thức về Chương trình chưa cao.

6. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới (Có biểu 02-04 đính kèm)

Kết quả huy động các nguồn vốn đầu tư vào khu vực nông thôn cho xây dựng nông thôn mới trên địa bàn toàn tỉnh trong giai đoạn 2010-2019 khoảng 91.918,983 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư trực tiếp cho Chương trình: 591,055 tỷ đồng (trong đó: ngân sách Trung ương 440,138 tỷ đồng⁽¹⁾; ngân sách địa phương: 150,917 tỷ đồng), chiếm 0,64%.

- Vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án: 7.797,305 tỷ đồng, chiếm 8,48%.

- Vốn doanh nghiệp: 521,7 tỷ đồng, chiếm 0,57%.

- Vốn tín dụng: 80.895,83 tỷ đồng (trong đó: tín dụng ĐTPT: 198,562 tỷ đồng, tín dụng thương mại: 80.697,268 tỷ đồng), chiếm 88,01%.

- Vốn huy động cộng đồng: 2.113,093 tỷ đồng⁽²⁾ chiếm 2,3%.

Trong đó:

a) Kết quả huy động giai đoạn 2010-2015 là 40.658,139 tỷ đồng, gồm:

- Vốn đầu tư trực tiếp cho Chương trình: 125,57 tỷ đồng (trong đó: ngân sách Trung ương 116,416 tỷ đồng; ngân sách địa phương: 9,154 tỷ đồng), chiếm 0,31%.

- Vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án: 3.833,365 tỷ đồng, chiếm 9,43%.

- Vốn doanh nghiệp: 228,5 tỷ đồng, chiếm 0,56%.

⁽¹⁾ Vốn Trái phiếu chính phủ 113 tỷ đồng; vốn đầu tư phát triển 227,742 tỷ đồng; vốn sự nghiệp 99,369 tỷ đồng.

⁽²⁾ Chỉ tính phần vốn người dân đóng góp bằng ngày công, tiền bạc, hiến đất đai để đầu tư xây dựng các công trình (chưa bao gồm vốn tự bỏ ra chính trang, xây dựng nhà cửa và phát triển sản xuất)

- Vốn tín dụng: 35.180 tỷ đồng (trong đó: tín dụng ĐTPT: 180 tỷ đồng, tín dụng thương mại: 35.000 tỷ đồng), chiếm 86,53%.

- Vốn huy động cộng đồng: 1.290,704 tỷ đồng chiếm 3,17%.

b) Kết quả huy động giai đoạn 2016-2019 là 51.260, 844 tỷ đồng, gồm:

- Vốn đầu tư trực tiếp cho Chương trình: 465,485 tỷ đồng (trong đó: ngân sách Trung ương 323,722 tỷ đồng; ngân sách địa phương: 141,763 tỷ đồng), chiếm 0,91%.

- Vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án: 3.963,94 tỷ đồng, chiếm 7,73%.

- Vốn doanh nghiệp: 293,2 tỷ đồng, chiếm 0,57%.

- Vốn tín dụng: 45.715,83 tỷ đồng (trong đó: tín dụng ĐTPT: 18,562 tỷ đồng, tín dụng thương mại: 45.697,268 tỷ đồng), chiếm 89,18%.

- Vốn huy động cộng đồng: 822,389 tỷ đồng chiếm 1,6%.

7. Đánh giá kết quả 10 năm thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2010-2020.

Thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” do Thủ tướng Chính phủ phát động thì Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông cũng đã phát động phong trào thi đua “Đắk Nông chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2011-2015 và giai đoạn 2016-2020. Sau hơn 9 năm thực hiện phong trào thi đua thì Chương xây dựng nông thôn mới đã huy động được sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, góp phần tạo diện mạo nông thôn ngày càng đổi mới, khang trang, sáng - xanh- sạch- đẹp hơn; đời sống vật chất tinh thần của người dân nông thôn tiếp tục được nâng cao; văn hóa xã hội có nhiều tiến bộ, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở nông thôn được đảm bảo. Sau hơn 9 năm triển khai thực hiện thì tổng nguồn lực huy động cho xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2019 trên địa bàn tỉnh khoảng 91.918,983 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn doanh nghiệp đóng góp được 521,7 tỷ đồng, vốn huy động cộng đồng dân cư đóng góp bằng ngày công, tiền bạc và hiến đất đai, hoa màu được 2.113,093 tỷ đồng. Đặc biệt, UBND tỉnh đã chỉ đạo kiểm soát được tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản, đồng thời yêu cầu các địa phương không được huy động quá sức dân, do đó đến nay trên địa bàn tỉnh không hề xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Để khơi dậy phong trào sôi nổi trong quần chúng nhân dân, hàng năm, UBND các huyện, thị xã đã tổ chức các Lễ phát động “ra quân xây dựng nông thôn mới” vào dịp đầu xuân gắn với các hoạt động thiết thực, hiệu quả (nổi bật nhất là huyện Đăk R’lấp, Cư Jút,...). Đồng thời nhiều địa phương đã có những cách làm sáng tạo, thiết thực về phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới và lan tỏa đến khắp các vùng quê trên địa bàn toàn tỉnh, điển hình như: phong trào “ánh sáng đường quê”, phong trào “trồng hoa 2 bên đường”, duy trì và phát triển các đoạn đường thanh niên tự quản,... Trong những năm qua đã xuất hiện nhiều gương điển hình tiên tiến, có nhiều đóng góp cho xây dựng nông thôn mới, tiêu

biểu như hộ gia đình: Ông Nguyễn Hoài Nam, Thôn 3, xã Nhân Cơ năm 2018 hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa cho 02 hộ nghèo trên địa bàn xã với tổng trị giá 120.000.000 đồng; hỗ trợ xây dựng nhà và hỗ trợ 01 con bò cho 01 hộ nghèo thôn 8 với tổng số tiền 85.000.000 đồng; ngoài ra vào các ngày thứ hai, thứ tư, thứ sáu hàng tuần, tiến hành nấu xôi để phát cho người nghèo, mỗi ngày phát 100 suất, mỗi suất 5.000 đồng, tổng kinh phí 01 năm là 78.000.000 đồng. Ông Nguyễn Khắc Điệp, Thôn 8, xã Nhân Cơ hiến 1.000m² đất làm đường giao thông nông thôn tại thôn 8; Ủng hộ quỹ khuyến học 255.000.000 đồng trong 05 năm (2011-2016); Đóng góp xây dựng 01 căn nhà tình nghĩa trị giá 72.000.000 đồng. Ông Nguyễn Văn Khoán, Thôn Trung Tâm, xã Nam Dong, huyện Cư Jút vận độ bà con hiến đất, ủng hộ vật chất làm đường, trong đó ông hiến 6m mặt đường, sâu 60m, trị giá 500 triệu đồng...

Nhờ thực hiện có hiệu quả Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, “Đắk Nông chung sức xây dựng nông thôn mới” mà kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của các xã trên địa bàn tỉnh có sự chuyển biến mạnh, đến cuối năm 2015 mới có 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới, bình quân mỗi xã mới đạt 9,5 tiêu chí/xã thì đến nay đã có 16 xã đạt chuẩn nông thôn mới, bình quân chung toàn tỉnh đạt 13,44 tiêu chí/xã tăng 10,34 tiêu chí/xã so với năm 2011 và không còn xã nào đạt dưới 5 tiêu chí.

8. Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện Chương trình

Trong những năm đầu triển khai thực hiện Chương trình thì một số địa phương đang có tình trạng chạy theo thành tích, huy động quá sức dân và đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng khi chưa xác định được chính xác các nguồn vốn được phân bổ, nhất là các công trình về làm đường giao thông nông thôn; do đó một số địa phương đã để xảy ra tình trạng nợ đọng trong xây dựng cơ bản, gây bất bình trong nhân dân, gây ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện Chương trình. Nhận thấy được vấn đề này thì trong giai đoạn 2016-2019 UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh đã kịp thời chỉ đạo, chấn chỉnh các địa phương trong việc để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản và yêu cầu các địa phương tuyệt đối không được huy động quá sức dân, việc huy động đóng góp từ người dân phải trên tinh thần tự nguyện, tự giác; do đó đến thời điểm hiện nay, tỉnh Đắk Nông không còn để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

9. Kết quả kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình

Công tác kiểm tra, giám sát trong thời gian qua được các cơ quan, đơn vị từ cấp tỉnh đến cơ sở quan tâm triển khai thực hiện hiệu quả, tiêu biểu như:

Hội đồng nhân dân tỉnh đã thành lập Đoàn kiểm tra giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình giai đoạn 2011 - 2016 tại các huyện, thị xã và các Sở, ngành phụ trách thực hiện các nội dung, tiêu chí nông thôn mới.

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1423/QĐ-UBND ngày 22/8/2016, về việc thành lập 04 Đoàn kiểm tra để đánh giá tình hình thực hiện Chương trình nông thôn mới tại 08 huyện, thị xã; đồng thời hàng năm chỉ đạo Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh và các Sở, ngành đi đánh giá, rà soát các xã để đưa vào kế hoạch phân đấu đạt chuẩn nông thôn mới; từ đó có phương hướng chỉ đạo

nhằm đạt được mục tiêu, kế hoạch đề ra và nắm bắt, giải quyết được những khó khăn, vướng mắc ở cơ sở.

UBMTTQ Việt Nam ở các cấp thường xuyên thực hiện tốt việc giám sát các địa phương trong việc thực hiện các nội dung của Chương trình và đã có những phản biện, phản ánh kịp thời để chấn chỉnh những vấn đề cấp cập ở cơ sở. Đặc biệt từ năm 2016 đến nay, UBMTTQ đã tiến hành khảo sát, đánh giá kết quả hài lòng của người dân đối với việc công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; do đó đã nâng cao được tính trung thực, chất lượng đối với việc công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; đồng thời làm cho người dân ngày càng tin tưởng và tích cực tham gia đóng góp cho Chương trình.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu của Chương trình

a) Kết quả đạt chuẩn nông thôn mới

Sau hơn 09 năm thực hiện Chương trình thì kết quả đạt được theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh ngày càng cao cụ thể:

- Số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 16/61 xã, đạt 26,23%, tăng 16 xã so với năm 2011 và tăng 15 xã so với năm 2015. Dự kiến đến hết năm 2020 số xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 40%.

- Số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới: 0/8 huyện, thị xã. Dự kiến đến hết cuối năm 2020 có 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới và thị xã Gia Nghĩa được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

- Số tiêu chí bình quân/xã: 13,44 tiêu chí/xã, tăng 10,34 tiêu chí/xã so với năm 2011 và tăng 3,94 tiêu chí/xã so với năm 2015. Dự kiến đến hết năm 2020 bình quân mỗi xã đạt từ 15 tiêu chí/xã.

- Số xã đạt dưới 5 tiêu chí: 0 xã (năm 2011 có 46 xã và năm 2015 có 01 xã đạt dưới 5 tiêu chí)

b) Kết quả thực hiện một số tiêu chí nâng cao của Chương trình

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 0 xã.

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: 0 xã (tỉnh Đắk Nông mới có 16 xã đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí tại Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và hiện nay các xã đang phấn đấu để xây dựng đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao theo Quyết định số 1457/QĐ-UBND ngày 17/9/2018 của UBND tỉnh; sau khi đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao thì mới tiến hành xây dựng theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu).

- Số Khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu được công nhận: chưa có (Năm 2018 UBND tỉnh Đắk Nông mới ban hành bộ tiêu chí xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu tại Quyết định số 1393/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 và Bộ tiêu chí

vườn mẫu-rẫy mẫu tại Quyết định số 1467/QĐ-UBND ngày 18/9/2018. Do đó, hiện nay các địa phương đang xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện).

2. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới (Có biểu 05-07 đính kèm)

Thực hiện Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 thì UBND tỉnh Đắk Nông cũng đã ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 của tỉnh (tại Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 07/3/2017). Kết quả đạt được theo Bộ tiêu chí này đến nay như sau:

* **Kết quả chung toàn tỉnh:** Đến nay bình quân mỗi xã đạt 13,44 tiêu chí/xã, tăng 10,34 tiêu chí/xã so với năm 2011 và tăng 3,94 tiêu chí/xã so với năm 2015, cụ thể: Có 16/61 xã đạt 19/19 tiêu chí, chiếm 26,23%, tăng 16 xã so với năm 2011 và tăng 15 xã so với năm 2015; có 7/61 xã đạt từ 15-18 tiêu chí, chiếm 11,47%, tăng 7 xã so với năm 2011 và tăng 2 xã so với năm 2015; có 27/61 xã đạt từ 10-14 tiêu chí, chiếm 44,26% tăng 27 xã so với năm 2011 và tăng 6 xã so với năm 2015 và còn 11 xã đạt từ 5-9 tiêu chí, chiếm 18,03%, giảm 04 xã so với năm 2011 và giảm 22 xã so với năm 2015; không còn xã nào dưới 5 tiêu chí (năm 2011 có 46 xã, năm 2015 có 01 xã đạt dưới 5 tiêu chí).

* **Đánh giá kết quả đạt được theo từng huyện, thị xã:** Sau hơn 09 năm thực hiện Chương trình thì đến nay huyện Đắk R'lấp đạt kết quả cao nhất, huyện Đắk G'long đạt kết quả thấp nhất so với các huyện, thị xã trong toàn tỉnh, cụ thể:

1. Huyện Đắk R'lấp có 7/10 xã đạt chuẩn nông thôn mới; bình quân mỗi xã đạt 17,2 tiêu chí/xã, tăng 14 tiêu chí/xã so với năm 2011 và 4,8 tiêu chí/xã so với năm 2015.

2. Huyện Cư Jút có 3/7 xã đạt chuẩn nông thôn mới; bình quân mỗi xã đạt 15,29 tiêu chí/xã, tăng 11,71 tiêu chí/xã so với năm 2011 và 5 tiêu chí/xã so với năm 2015.

3. Huyện Đắk Mil có 3/9 xã đạt chuẩn nông thôn mới; bình quân mỗi xã đạt 14,67 tiêu chí/xã, tăng 9,89 tiêu chí/xã so với năm 2011 và 4,4 tiêu chí/xã so với năm 2015.

4. Thị xã Gia Nghĩa có 1/3 xã đạt chuẩn nông thôn mới; bình quân mỗi xã đạt 15,33 tiêu chí/xã, tăng 11,33 tiêu chí/xã so với năm 2011 và 6,67 tiêu chí/xã so với năm 2015.

5. Huyện Đắk Song có 1/8 xã đạt chuẩn nông thôn mới; bình quân mỗi xã đạt 13,75 tiêu chí/xã, tăng 11,61 tiêu chí/xã so với năm 2011 và 5,5 tiêu chí/xã so với năm 2015.

6. Huyện Krông Nô có 1/11 xã đạt chuẩn nông thôn mới; bình quân mỗi xã đạt 13,18 tiêu chí/xã, tăng 10,64 tiêu chí/xã so với năm 2011 và 5,18 tiêu chí/xã so với năm 2015.

7. Huyện Tuy Đức chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới; bình quân mỗi xã đạt 9,33 tiêu chí/xã, tăng 6,83 tiêu chí/xã so với năm 2011 và 1 tiêu chí/xã so với năm 2015.

8. Huyện Đắk G'long chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới; bình quân mỗi xã đạt 7,43 tiêu chí/xã, tăng 5 tiêu chí/xã so với năm 2011 và giảm 0,14 tiêu chí/xã so với năm 2015.

*** Kết quả thực hiện các tiêu chí theo các nội dung thành phần của Chương trình cụ thể như sau:**

2.1. Về lập quy hoạch, đề án xây dựng nông thôn mới

Về lập quy hoạch xã nông thôn mới: Đến nay 61/61 xã đã hoàn thành lập quy hoạch chung và đề án xây dựng nông thôn mới, đạt 100%, tăng 56 xã so với năm 2011. Để phù hợp với thực tiễn và tình hình thực hiện trong giai đoạn mới thì các xã đang tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chung; đồng thời tiến hành lập quy hoạch chi tiết cho các xã, trong đó ưu tiên cho các xã đã đạt chuẩn và xã có kế hoạch đạt chuẩn trong giai đoạn 2016-2020; trong thời gian qua đã có 13/61 xã⁽³⁾ đã tiến hành lập và được phê duyệt quy hoạch chi tiết, đạt 21%.

Về lập quy hoạch vùng huyện: Trong năm 2017 đã tiến hành lập Đề án chi tiết xây dựng nông thôn mới huyện Đắk R'lấp giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2025 để đạt chuẩn theo quy định tại Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Nhìn chung trong thời gian qua công tác quy hoạch luôn được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của lãnh đạo các cấp; chất lượng các quy hoạch cũng từng bước được cải thiện, góp phần quan trọng vào kế hoạch hóa đầu tư xây dựng, thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội và phát triển bền vững trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện công tác lập quy hoạch thì còn có những khó khăn, vướng mắc nhất định như: các xã trên địa bàn tỉnh có diện tích rộng, địa hình chia cắt phức tạp, người dân ở rải rác, không tập trung, năng lực phụ trách của cán bộ cấp xã còn hạn chế, kinh phí bố trí cho việc lập quy hoạch còn hạn hẹp nên công tác lập quy hoạch chi tiết còn gặp nhiều khó khăn.

2.2. Về phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

Công tác xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng trong thời gian qua đã được các cấp, các ngành chú trọng quan tâm triển khai thực hiện hiệu quả; các địa phương đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, do đó người dân hiểu và đã tự chủ động chỉnh trang, xây dựng nhà cửa, khuôn viên sạch đẹp, vì vậy số

⁽³⁾ Xã Đắk R'Moan, xã Quảng Thành, xã Đắk Nĩa thị xã Gia Nghĩa; Xã Nam Dong, xã Knia, xã Tâm Thắng, xã Trúc Sơn huyện Cư Jút; Xã Nhân Đạo, xã Nghĩa Thắng huyện Đắk R'lấp; Xã Đắk Dró, xã Nam Nung, xã Đắk Sôr huyện Krông Nô; Xã Năm N'Jang huyện Đắk Song.

lượng nhà tạm, dột nát ngày càng được thay thế bằng nhà kiên cố, khang trang đạt chuẩn theo quy định; đồng thời đã tích cực đóng góp tiền bạc, ngày công, hiến đất đai, hoa màu,...đề cùng với nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước đã đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng thiết yếu như đường giao thông, trường học, nhà văn hóa, trạm y tế, nước sạch... ngày càng kiên cố, sạch đẹp từng bước đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của người dân nông thôn, từng bước đạt chuẩn theo quy định của Bộ tiêu chí nông thôn mới.

Tuy nhiên, các tiêu chí về phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội đòi hỏi nhu cầu về nguồn vốn là rất lớn; trong khi đó ngân sách địa phương còn gặp nhiều khó khăn, chưa cân đối để bố trí cho Chương trình; vì vậy trong thời gian qua chủ yếu là nhờ sự hỗ trợ của ngân sách Trung ương, lồng ghép từ các Chương trình, dự án khác và huy động sự đóng góp từ doanh nghiệp, cộng đồng dân cư để thực hiện. Do đó, mức độ đạt theo quy định của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới của một số tiêu chí đến nay vẫn còn ở mức thấp. Theo đánh giá, đến tháng 9/2019 toàn tỉnh có 30/61 xã đạt tiêu chí số 2 về giao thông, đạt 49,2%, tăng 30 xã so với năm 2011 và tăng 23 xã so với năm 2015; có 51/61 xã đạt tiêu chí số 3 về thủy lợi, đạt 83,6%, tăng 43 xã so với năm 2011 và tăng 19 xã so với năm 2015; có 49/61 xã đạt tiêu chí số 4 về điện, đạt 80,3%, tăng 41 xã so với năm 2011 và tăng 20 xã so với năm 2015; có 27/61 xã đạt tiêu chí số 5 về trường học, đạt 44,3%, tăng 26 xã so với năm 2011 và tăng 13 xã so với năm 2015; có 28/61 xã đạt tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa, đạt 46%, tăng 28 xã so với năm 2011 và tăng 21 xã so với năm 2015; có 54/61 xã đạt tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, đạt 88,5%, tăng 49 xã so với năm 2011 và tăng 32 xã so với năm 2015; có 58/61 xã đạt tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông, đạt 95,1%, tăng 43 xã so với năm 2011 và tăng 11 xã so với năm 2015; có 29/61 xã đạt tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư, đạt 47,5%, tăng 29 xã so với năm 2011 và tăng 17 xã so với năm 2015.

2.3. Về phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân

Công tác phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân là một trong những nội dung trọng tâm, cốt lõi của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Vì vậy trong thời gian qua các cấp, các ngành đã tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác quy hoạch, xây dựng đề án, dự án phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp; xây dựng các mô phát triển sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương. Đặc biệt, trong năm 2017 đã triển khai lập 02 đề án quy hoạch lớn của tỉnh là: Quy hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp nâng cao giá trị gia tăng gắn liền với biến đổi khí hậu và quy hoạch các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và trong năm 2018 tiếp tục chỉ đạo xây dựng và lập các đề án để nâng giá trị sản xuất nông nghiệp như: Đề án sản xuất nông nghiệp sạch, đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2018-2020; đề án phát triển thủy sản Đắk Nông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030...

Để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ về “*phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu*

nhập cho người dân” thì trong thời gian qua các địa phương đã tiếp tục tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện tốt quan điểm của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về kinh tế tập thể và Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch số 33-KH/TU ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Tỉnh ủy Đắk Nông về triển khai thực hiện Kết luận số 56-KL/TW ngày 21 tháng 02 năm 2013 của Bộ Chính trị nhằm đổi mới toàn diện cả về nội dung và hình thức hợp tác, liên kết trong sản xuất nông nghiệp, phát triển đa dạng các hình thức tổ chức hợp tác của nông dân, phù hợp từng vùng, từng lĩnh vực gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Trong thời gian qua công tác đào tạo nghề đã được các cấp, các ngành quan tâm triển khai thực hiện có hiệu quả. Việc triển khai thực hiện hiệu quả công tác đào tạo nghề đã từng bước nâng cao được tay nghề, kiến thức, kinh nghiệm cho người dân nông thôn trong việc áp dụng vào công tác phát triển sản xuất, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn.

Công tác phát triển Hợp tác xã, tổ hợp tác và các trang trại trong thời gian qua tiếp tục được thực hiện hiệu quả cả về chất lượng và số lượng. Đến nay trên toàn tỉnh có 134 Hợp tác xã, trong đó có 109 Hợp tác xã đang hoạt động, 25 Hợp tác xã ngưng hoạt động chưa chuyển đổi đang đề nghị giải thể theo Điều 54 Luật Hợp tác xã năm 2012. Đến cuối năm 2018 có 45/61 xã có Hợp tác xã, còn lại 16 xã chưa có Hợp tác xã, chiếm 27%. Nhìn chung các Hợp tác xã làm ăn hiệu quả chưa cao, hoạt động còn hình thức, đa số các Hợp tác xã có quy mô nhỏ, năng lực hoạt động còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu của thành viên. Đến nay toàn tỉnh có 262 tổ hợp tác và có 1.215 trang trại đạt tiêu chí theo Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại⁽⁴⁾.

Nhìn chung, trong thời gian qua công tác phát triển sản xuất đã được các cấp, các ngành và địa phương quan tâm triển khai thực hiện; đã xuất hiện ngày càng nhiều các mô hình phát triển sản xuất đem lại thu nhập cao; các hợp tác xã, tổ hợp tác ngày càng được thành lập mới và hoạt động hiệu quả, từng bước giải quyết công ăn, việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn; đồng thời góp phần hỗ trợ địa phương đạt chuẩn các tiêu chí theo quy định của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới. Sau hơn 09 năm triển khai thực hiện Chương trình thì số lượng các xã đạt các tiêu chí ở nhóm “kinh tế và tổ chức sản xuất” đã tăng lên so với trước thời điểm bắt đầu thực hiện Chương trình, cụ thể: đã có 42/61 xã đạt tiêu chí số 10 về thu nhập, đạt 68,9%, tăng 30 xã so với năm 2011 và tăng 7 xã so với năm 2015; 61/61 xã đạt tiêu chí số 12 về lao động có việc làm, đạt 100% và tăng 60 xã so với năm 2011 và không tăng so với năm 2015; 47/61 xã đạt tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất, đạt 77%, tăng 33 xã so với năm 2011 và tăng 9 xã so với năm 2015.

⁽⁴⁾ Trong đó có 1.130 trang trại trồng trọt, 77 trang trại chăn nuôi, 6 trang trại thủy sản, 2 trang trại tổng hợp.

2.4. Về giảm nghèo và an sinh xã hội

a) Kết quả thực hiện các mục tiêu giảm nghèo và thực hiện các Chương trình an sinh xã hội

Với mục tiêu phấn đấu giảm nghèo hàng năm trên địa bàn tỉnh là giảm từ 2% trở lên (*trong đó hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 3% và hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 5% trở lên*) trong thời gian qua các cấp, các ngành và các địa phương đã chủ động, tích cực vào cuộc và thực hiện nhiều giải pháp nhằm đạt được mục tiêu mà tỉnh đã đề ra. Theo kết quả rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo đến cuối năm 2018 toàn tỉnh có 21.070 hộ nghèo theo chuẩn đa chiều, chiếm tỷ lệ 14,07% trên tổng số hộ toàn tỉnh, giảm 2,5% so với kết quả điều tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2017 ⁽⁵⁾.

Các Chương trình an sinh xã hội trong thời gian qua cũng đã được các cơ quan, đơn vị và các địa phương thường xuyên quan tâm thực hiện nhằm đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, góp phần thực hiện hiệu quả công tác giảm nghèo trên địa bàn toàn tỉnh. Các cơ quan, đơn vị đã kịp thời tham mưu giải quyết các chế độ an sinh xã hội, đảm bảo mọi quyền lợi cho người dân; thực hiện các chính sách hỗ trợ người nghèo, người có công, đối tượng bảo trợ xã hội,...; thăm hỏi, tặng quà, hỗ trợ các đối tượng chính sách nhân dịp lễ, tết; rà soát, thực hiện công tác bình xét hộ nghèo, hộ cận nghèo;...Việc thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo như: Chính sách y tế, giáo dục, tín dụng, khuyến nông - khuyến lâm, nước sinh hoạt, xóa nhà tạm - dột nát.....đã giải quyết được những khó khăn của người nghèo, tạo điều kiện cho người nghèo vươn lên để thoát nghèo, góp phần thực hiện đạt tiêu chí về hộ nghèo trên địa bàn xã theo Bộ tiêu chí nông thôn mới. Theo kết quả đánh giá đến tháng 9/2019 toàn tỉnh đã có 36/61 xã đạt tiêu chí số 11 về hộ nghèo, đạt 59%, tăng 31 xã so với năm 2011 và tăng 2 xã so với năm 2015.

b. Khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện công tác giảm nghèo

Công tác nâng cao thu nhập và giảm nghèo ở vùng nông thôn là mục đích then chốt, cốt lõi của Chương trình xây dựng nông thôn mới. Việc thực hiện công tác giảm nghèo trong thời gian qua đã được các cấp, các ngành và địa phương thực hiện khá hiệu quả; tuy nhiên trong quá trình thực hiện thì gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc cần khắc phục như: Người đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh có tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo chiếm đa số; trong khi đó trình độ dân trí còn hạn chế, nhiều nơi, nhiều hộ gia đình chưa biết áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất, kinh doanh; đa số hộ nghèo còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, chưa muốn vươn lên để thoát nghèo nên gây khó khăn cho địa phương trong việc thực hiện các chỉ tiêu giảm nghèo hàng năm. Trong thời gian qua tình trạng dân di cư tự do từ các nơi khác tới tỉnh Đắk Nông vẫn còn diễn ra, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới; điều kiện sống và phương thức sản xuất của đồng bào di cư còn hạn chế và gặp nhiều

⁽⁵⁾ Trong đó tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số chung chiếm 30,14 %; tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ chiếm 38,57%; Hộ cận nghèo: 9.715 hộ, chiếm tỷ lệ 6,23%.

khó khăn và thường xuyên có sự di chuyển nơi sinh sống; do đó gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện các chính sách để hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập và thoát nghèo. Các chương trình triển khai đôi lúc còn chồng chéo, thiếu đồng bộ, riêng lẻ, chưa phát huy hết hiệu quả; việc thực hiện các chương trình đầu tư cho xóa đói giảm nghèo còn dàn trải, thiếu tập trung do đó đem lại hiệu quả chưa cao.

2.5. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường

Về giáo dục: Trong thời gian qua công tác phát triển giáo dục tiếp tục được chú trọng đầu tư phát triển về quy mô, nâng cao chất lượng giáo dục; từng bước xây dựng đạt chuẩn tiêu chí số 14 về giáo dục và đào tạo trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới⁽⁶⁾. Sau hơn 09 năm triển khai thực hiện Chương trình thì đến nay toàn tỉnh đã có 61/61 xã đạt tiêu chí số 14 về giáo dục và đào tạo, đạt 100%, tăng 60 xã so với năm 2011 và tăng 1 xã so với năm 2015

Về y tế: Trong hơn 09 năm qua mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được củng cố, đổi mới đóng vai trò quan trọng trong hoạt động y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu, góp phần giảm tải cho tuyến trên. Đến cuối năm 2018 có 40/71 trạm Y tế xã, phường đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, đủ điều kiện khám, chữa bệnh, đạt 56,3%. Công tác khám chữa bệnh được cải thiện, công suất sử dụng giường bệnh đạt 84%, nhiều kỹ thuật mới được triển khai, các bệnh viện thực hiện tốt công tác cải thiện chất lượng. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế ngày càng cao, đến hết năm 2018 đạt trên 85%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng ngày càng giảm, tính đến hết năm 2018 chiếm còn 20,6%. Đánh giá theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới thì đến nay có 44/61 xã đạt tiêu chí số 15 về y tế, đạt 72,1%, tăng 5 xã so với năm 2011 và tăng 28 xã so với năm 2015.

Bên cạnh những mặt tích cực đã đạt được thì công tác phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho người dân vẫn còn những khó khăn, hạn chế cần khắc phục như: Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia các loại hình bảo hiểm y tế vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn do người dân vẫn còn tư tưởng khi tham gia khám chữa bệnh bằng bảo hiểm y tế thì gặp nhiều bất cập như: thủ tục rườm rà, việc khám chữa bệnh không đúng tuyến gặp rất nhiều khó khăn, việc xin giấy chuyển viện rất khó khăn,... Bên cạnh đó, do tính chủ quan của người dân về sức khỏe của bản thân, nhiều người vẫn có suy nghĩ về việc tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện mà bản thân không bị bệnh tật thì lãng phí tiền bạc mà không nhận thấy được những lợi ích của việc tham gia bảo hiểm y tế. Việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, máy móc cho các trạm y tế xã ở một số địa phương chưa được đầu tư đầy đủ, do đó đã ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho người dân tại các cơ sở y tế xã.

⁽⁶⁾ Đến nay 100% số trẻ trong độ tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non; tỷ lệ trẻ em 5 tuổi ra lớp đạt 99%; có 61/61 xã được công nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, đạt 100%. Có 61/61 xã được công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ chiếm tỷ lệ 100%; tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi 15-60 đạt 92,4%. Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào học lớp 1 đạt trên 99,7%; tỷ lệ trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 93,2%; 61/61 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ, đạt tỷ lệ 100%. Có 61/61 xã và 8/8 huyện, thị xã đạt phổ cập giáo dục trung học cơ sở, chiếm tỷ lệ 100%.

Về văn hóa: Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn kết với phong trào xây dựng nông thôn mới tiếp tục được triển khai thực hiện hiệu quả, đã tác động tích cực vào đời sống kinh tế - xã hội, làm chuyển biến bộ mặt đô thị, vùng nông thôn. Đời sống văn hoá nhân dân ngày càng khởi sắc, hộ nghèo giảm, hộ giàu tăng, cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp, tình làng nghĩa xóm được phát huy, các hoạt động thể dục thể thao được quan tâm đã tác động sâu sắc đến tư tưởng, tâm lý, thói quen trong mọi tầng lớp nhân dân, khắc phục những biểu hiện tiêu cực, lạc hậu, góp phần hình thành nếp sống văn hóa, văn minh. Về cơ bản tiêu chí số 16 về văn hóa trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới đã được các xã thực hiện tốt, hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa hàng năm tăng lên, đạt chất lượng cao hơn⁽⁷⁾; người dân đã nâng cao ý thức trong xây dựng gia đình gắn với xây dựng nông thôn mới, nhiều mô hình hoạt động hiệu quả, đời sống của người dân được nâng lên rõ rệt. Sau hơn 09 năm triển khai thực hiện Chương trình thì đến nay toàn tỉnh có 44/61 xã đạt tiêu chí số 16 về Văn hóa, đạt 72,1%, tăng 30 xã so với năm 2011 và tăng 13 xã so với năm 2015.

Bên cạnh những kết quả đạt được về phát triển văn hóa thì còn gặp những khó khăn, vướng mắc cần khắc phục trong thời gian tới như: Thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở còn thiếu và yếu, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu sinh hoạt và hưởng thụ văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của nhân dân; một số địa phương, nhà văn hóa cộng đồng chưa được sử dụng hợp lý, hiệu quả dẫn đến tình trạng hư hỏng, xuống cấp,...

Về môi trường và an toàn thực phẩm: Công tác bảo vệ môi trường tiếp tục được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo và thường xuyên theo dõi, kịp thời xử lý các tổ chức, cơ sở gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường nông thôn. Nhìn chung các cơ sở sản xuất kinh doanh cũng thực hiện tương đối đầy đủ các cam kết về bảo vệ môi trường; nghĩa trang từng bước được cải tạo và xây dựng theo quy hoạch; các dịch vụ thu gom, xử lý rác thải được hình thành ngày càng nhiều dưới các hình thức như: doanh nghiệp tư nhân, Hợp tác xã, tổ hợp tác về thu gom rác; bãi rác đã được các huyện quan tâm quy hoạch cụ thể. Tuy nhiên, tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm có rất nhiều nội dung thực hiện và liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực; việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong thời gian qua gặp rất nhiều khó khăn do xuất phát điểm về hạ tầng bảo vệ môi trường nông thôn trước khi triển khai xây dựng nông thôn mới rất thấp, hầu như chưa được đầu tư xây dựng, đặc biệt là các công trình bảo vệ môi trường chung; các xã trên địa bàn có diện tích rộng, địa hình chia cắt, dân cư ở không tập trung do đó rất khó khăn trong việc thu gom, xử lý rác thải và xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp theo như quy định. Vì vậy

⁽⁷⁾ Đến nay, toàn tỉnh có 565/789 Nhà văn hóa, Hội trường thôn, có 21/71 xã, phường, thị trấn có Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, 05/08 huyện, thị xã có sân khấu ngoài trời, có 94 sân Bóng đá Mini có nhân tạo; 38 sân quần vợt; có khoảng 230 sân bóng chuyền; sân Cầu lông có khoảng 65 sân; 05 sân bóng rổ; 12 bể bơi; có 21/71 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn văn hóa (trong đó có 05 phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị, 14 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới và 02 xã văn hóa) đạt 29,58%.

- Đến hết năm 2018 số gia đình văn hóa toàn tỉnh là 108.779/139.895 (đạt 77,76; có 598/789 thôn, bon, buôn đạt chuẩn văn hóa, đạt 75,79%; có 838/935 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp văn hóa, đạt 89,30% và 21/71 xã phường đạt chuẩn văn hóa (đạt 29,58%).

đến nay số xã đạt chuẩn tiêu chí về môi trường và an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh còn thấp; sau hơn 09 năm thực hiện Chương trình thì đến nay mới có 28/61 xã đạt tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm, đạt 45,9%, tăng 28 xã so với năm 2011 và tăng 21 xã so với năm 2015.

2.6. Về nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân

Công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu cho cán bộ, công chức xã trong thời gian qua được quan tâm triển khai thực hiện hiệu quả; do đó số lượng và chất lượng cán bộ, công chức đạt chuẩn theo quy định ngày càng cao⁽⁸⁾.

Các dịch vụ hành chính công tiếp tục được các địa phương cải thiện và nâng cao chất lượng hoạt động, ngày càng tạo ra môi trường thuận tiện, nhanh gọn cho các giao dịch của người dân. Năm 2017 là năm đầu tiên thực hiện việc chấm điểm, đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật, nhưng với sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của lãnh đạo các cấp nên việc triển khai thực hiện đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, đúng quy định pháp luật. Bước đầu góp phần thực hiện có hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thông qua việc đánh giá những chỉ tiêu, tiêu chí chuẩn tiếp cận pháp luật, các xã có thể thấy được thực trạng tiếp cận pháp luật của địa phương mình để từ đó có giải pháp cải thiện các điều kiện tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở. Kết quả đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của các xã đã có những tác động tích cực đến việc bảo đảm điều kiện tiếp cận pháp luật của người dân ở cơ sở⁽⁹⁾.

Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch” gắn với xây dựng nông thôn mới tiếp tục được triển khai thực hiện sâu rộng. Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh đã lựa chọn nội dung ưu tiên phù hợp với từng địa phương, từng đối tượng, gắn với yêu cầu thực hiện các tiêu chí nông thôn mới, tập trung vào những vấn đề bức xúc hiện nay như: bạo lực gia đình; không sinh con thứ 3, không có con suy dinh dưỡng, bỏ học, bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm, sản xuất sạch, tiêu dùng sạch; vận động phụ nữ phát triển kinh tế làm giàu chính đáng, xây dựng gia đình hạnh phúc... để tổ chức triển khai cho các hội viên thực hiện. Các cấp Hội đã cụ thể hóa các nội dung của cuộc vận động, triển khai tới 100% chi, tổ phụ nữ, phát phiếu cho gia đình hội viên tự đánh giá và có kế hoạch giúp đỡ các gia đình chưa đạt các tiêu chí.

⁽⁸⁾ Đến cuối năm 2018 tỷ lệ cán bộ, công chức xã đạt chuẩn: Cán bộ: 76,31%; công chức: 98,96%; Tỷ lệ xã có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định: 100%; Tỷ lệ xã có Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”: 49,1%; Tỷ lệ xã có tổ chức đoàn thể chính trị xã hội đạt loại khá trở lên: 100%

⁽⁹⁾ Đến cuối năm 2018 có 25/61 xã được công nhận đạt chuẩn chỉ tiêu về tiếp cận pháp luật: Xã Tâm Thắng, Nam Dong, Cư Knia, Trúc Sơn huyện Cư Jút; xã Nam Đà huyện Krông Nô; xã Đắk Lao, Thuận An, Đắk R’lăp, Đắk Sắk, Long Sơn huyện Đắk Mil; xã Thuận Hà, Đắk Hòa, Đắk Mơi, Thuận Hạnh huyện Đắk Song; xã Nghĩa Thắng, Nhân Cơ, Nhân Đạo, Đạo Nghĩa, Đắk Wer huyện Đắk R’lấp; xã Quảng Khê, Quảng Hòa, Đắk P’lao huyện Đắk G’long; xã Đắk Nia, Đắk R’moan, Quảng Thành thị xã Gia Nghĩa.

Đánh giá theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, sau hơn 09 năm triển khai thực hiện Chương trình thì đến nay toàn tỉnh có 24/61 xã đạt tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật, đạt 39,3%, tăng 5 xã so với năm 2011 và giảm 2 xã so với năm 2015.

2.7. Về giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn

Tình hình an ninh trật tự xã hội trong thời gian qua tiếp tục được giữ vững, ổn định; cán bộ cơ sở thường xuyên nắm bắt kịp thời tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của nhân dân; đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân ở các vùng nông thôn, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số nâng cao cảnh giác cách mạng, làm tốt công tác bảo vệ an ninh tổ quốc, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội. Thường xuyên đấu tranh ngăn chặn các âm mưu, hoạt động chống phá của thế lực thù địch, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh nông thôn; xử lý tốt các vấn đề phức tạp phát sinh, không để bị động, bất ngờ; đẩy mạnh tấn công trấn áp tội phạm, tạo sự chuyển biến rõ nét về trật tự an toàn xã hội trên địa bàn nông thôn. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện công tác đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự nông thôn gặp không ít khó khăn, vướng mắc như: Địa phương có địa hình đồi núi, chia cắt phức tạp; dân cư ở rải rác; trình độ nhận thức của người đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế; dân cư từ các tỉnh khác di cư vào tỉnh ngày càng nhiều và phức tạp nên công tác tuyên truyền, quản lý và tuần tra bảo vệ quốc phòng, an ninh gặp nhiều khó khăn nhất là ở các vùng sâu, vùng biên giới... Tiêu chí số 19 về quốc phòng và an ninh là một trong những tiêu chí rất dễ biến động; tuy nhiên sau 09 năm triển khai thực hiện Chương trình thì đến nay toàn tỉnh đã có 46/61 xã đạt tiêu chí số 19 về quốc phòng và an ninh, đạt 75,4%, tăng 06 xã so với năm 2011 và giảm 7 xã so với năm 2015.

3. Đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới (theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Trong giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh có 01 huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới và thị xã Gia Nghĩa phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Do đó, hiện nay mới có 2/8 huyện, thị xã (*huyện Đắk R'lấp, thị xã Gia Nghĩa*) tiến hành rà soát, đánh giá kết quả thực hiện theo Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới tại Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể:

- Đối với huyện Đắk R'lấp: Đến nay huyện đã có 7/10 xã đạt chuẩn nông thôn mới (*yêu cầu 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới*); do đó trong năm 2019-2020 huyện đang phấn đấu đưa 03 xã còn lại đạt chuẩn xã nông thôn mới. Đối với tiêu chí cấp huyện thì đến nay huyện đã đạt 6/9 tiêu chí huyện nông thôn mới, cụ thể: Tiêu chí số 1 về Quy hoạch, tiêu chí số 2 về giao thông, tiêu chí số 3 về thủy lợi, tiêu chí số 4 về điện, tiêu chí số 8 về an ninh, trật tự xã hội và tiêu chí số 9 về Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới; còn 3 tiêu chí chưa đạt là tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - giáo dục, tiêu chí số 6 về sản xuất, tiêu chí số 7 về môi trường thì đang phấn đấu để đạt trong năm 2019-2020.

- Đối với thị xã Gia Nghĩa: Đến nay mới có 1/3 xã đạt chuẩn nông thôn mới (*yêu cầu 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới*), trong năm 2019 thị xã đang

phần đầu đạt chuẩn 02 xã còn lại để được xét, công nhận địa phương hoàn thành nhiệm vụ nhiệm vụ nông thôn mới.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả nổi bật sau 09 năm thực hiện Chương trình (07 kết quả nổi bật)

- Các cấp ủy đảng, hệ thống chính trị xã hội và các tổ chức đoàn thể trên địa bàn tỉnh đã vào cuộc một cách quyết liệt, tích cực; nhận thức của hệ thống chính trị và toàn xã hội về vị trí, vai trò và tầm quan trọng về xây dựng nông thôn mới ngày được nâng cao hơn; các cấp ủy Đảng, chính quyền và cả hệ thống chính trị đã tích cực, chủ động, sáng tạo trong việc triển khai thực hiện Chương trình. Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết và Chỉ thị về xây dựng nông thôn mới; HĐND tỉnh đã ban hành các cơ chế, chính sách để thực hiện Chương trình và đưa mục tiêu về xây dựng nông thôn mới vào Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội; UBND đã ban hành kịp thời, đầu đủ khung văn bản pháp lý để tổ chức thực hiện Chương trình. Bộ máy Chỉ đạo và cơ quan tham mưu giúp việc trong một thời gian ngắn được thành lập một cách đồng bộ, thống nhất từ trên xuống dưới.

- Hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn được các địa phương chú trọng đầu tư xây dựng, ngày càng đáp ứng được nhu phát triển kinh tế - xã hội và điều kiện sống của người dân nông thôn, đồng thời đã làm thay đổi bộ mặt, diện mạo của vùng nông thôn, điển hình như:

Hệ thống đường giao thông ngày càng được cứng hóa, đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân, trong 09 năm qua đã cứng hóa được 481,78km/650km đường huyện, đạt 74,2%; đã cứng hóa được 584,7km/942,2km đường xã, đạt 62%; cứng hóa được 1.232,6km/2.538,4km đường trục thôn, bon và đường ngõ xóm, đạt 48,56%; cứng hóa được 296,49km/597,46km đường trục chính nội đồng, đạt 49,63%. Đến nay có 30 xã đạt tiêu chí số 2 về giao thông, tăng 30 xã so với năm 2011.

Các công trình nhà văn hóa xã, thôn, bon, buôn, bản được đầu tư nâng cấp, xây dựng đạt chuẩn theo quy định nhưng vẫn giữ được nét đẹp độc đáo riêng của vùng miền và đáp ứng, thu hút được đông đảo người dân tới sinh hoạt; các khu vui chơi, giải trí ngày càng được quan tâm đầu tư xây dựng, đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt của người dân nông thôn. Đến nay đã có 28 xã đạt chuẩn tiêu chí số 06 về cơ sở vật chất văn hóa, tăng 28 xã so với năm 2011.

Hệ thống trường học các cấp được chú trọng đầu tư, nâng cấp và trang bị đầy đủ các thiết bị dạy và học; nhiều địa phương đã đẩy mạnh xã hội hóa và kêu gọi được các doanh nghiệp, nhà hảo tâm đầu tư hệ thống trường tư thục, góp phần đảm bảo và nâng cao điều kiện học tập cho con em nông thôn. Đến nay đã có 27 xã đạt tiêu chí số 5 về trường học, tăng 26 xã so với năm 2011.

Đầu năm 2011 mới chỉ có 8 xã có hệ thống điện đạt chuẩn thì đến nay đã có 49 xã có hệ thống điện đạt chuẩn và đảm bảo tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt 98% trở lên.

- Công tác phát triển sản xuất đã được các cấp, các ngành và địa phương quan tâm triển khai thực hiện; đã xuất hiện ngày càng nhiều các mô hình phát triển sản xuất đem lại thu nhập cao; các hợp tác xã, tổ hợp tác ngày càng được thành lập mới và hoạt động ngày càng hiệu quả, từng bước giải quyết công ăn, việc làm và nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân nông thôn. Đến nay thu nhập bình quân đầu người toàn tỉnh đã đạt 45,24 triệu đồng/người/năm, tăng 30,24 triệu đồng/người/năm so với năm 2011; tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm còn 14,07%, giảm 15,18% so với năm 2011 và đã có 42/61 xã đạt tiêu chí số 10 về thu nhập, đạt 68,9%, tăng 30 xã so với năm 2011; có 36/61 xã đạt tiêu chí số 11 về hộ nghèo, đạt 59%, tăng 31 xã so với năm 2011.

- Công tác phát triển về văn hóa, giáo dục, y tế đã được các cấp, các ngành tiếp tục quan tâm đầu tư nâng cao về số lượng và chất lượng. Chất lượng dạy và học ở cơ sở ngày càng có sự chuyển biến, nâng cao hơn; công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân nông thôn được nâng cao về chất lượng, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế ngày càng tăng (đến nay đạt 85%); các vấn đề về văn hóa được giữ gìn và phát huy ngày càng sâu rộng, dần xuất hiện các mô hình về du lịch nông thôn gắn với phát triển sản xuất và tham quan, khám phá các lễ hội văn hóa địa phương. Đến nay đã có 61 xã đạt tiêu chí số 14 về giáo dục và đào tạo, tăng 58 xã so với năm 2011; có 44 xã đạt tiêu chí số 15 về y tế; có 44 xã đạt tiêu chí số 16 về văn hóa, tăng 30 xã so với năm 2011.

- Vấn đề thu gom, xử lý rác thải đã được các địa phương quan tâm thực hiện; các mô hình về thu gom, xử lý rác thải xuất hiện ngày càng nhiều, tiêu biểu như: mô hình đoạn đường xanh, sạch, đẹp, không rác thải của Chi Hội phụ nữ Thôn Quảng Chánh, xã Nghĩa Thắng; mô hình Tổ vệ sinh môi trường thôn Trung tâm xã Nam Dong;...Cảnh quan môi trường nông thôn ngày càng được người dân xây dựng xanh - sạch - đẹp, các tuyến đường trồng hoa, cây xanh xuất hiện ngày càng nhiều và đã trở thành phong trào thi đua mạnh mẽ ở các thôn, bon, buôn; từ đó từng bước góp phần xây dựng được các nét đặc trưng riêng của từng vùng miền và xây dựng được các Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

- Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, “Đắk Nông chung sức xây dựng nông thôn mới” đã có tác động rất mạnh mẽ tới cán bộ, đảng viên, nhất là quần chúng nhân dân trong việc tham gia đóng góp thực hiện Chương trình. Trong 9 năm qua, người dân trên địa bàn tỉnh đã tích cực, chủ động tham gia đóng góp tiền bạc, ngày công, hiến đất đai, hoa màu,...để thực hiện Chương trình; trong hơn 09 năm, số tiền mặt và ngày công quy đổi thành tiền mà người dân đã đóng góp được là 545,99 tỷ, hiến đất đai, hoa màu để xây dựng đường giao thông nông, nhà văn hóa, trường học,...quy đổi thành tiền được 1.567,049 tỷ đồng. Ngoài ra, người dân tự bỏ ra hàng ngàn tỷ đồng để chỉnh trang, xây dựng nhà cửa, giúp đỡ nhau về phát triển kinh tế, nâng cao công tác phát triển sản xuất,...góp phần giúp cho các địa phương thực hiện đạt chuẩn các tiêu chí theo quy định.

- Sau hơn 09 năm triển khai thực hiện Chương trình thì kết quả đạt được ngày càng chuyển biến mạnh mẽ; kết quả đạt được theo Bộ tiêu chí nông thôn

mới của các xã tăng cao hơn so với trước thời điểm thực hiện Chương trình; đến nay đã có 16/61 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 26,23%; bình quân mỗi xã đạt 13,44 tiêu chí/xã, tăng 10,34 tiêu chí/xã so với năm 2011 và tăng 3,94 tiêu chí/xã so với năm 2015, cụ thể: Có 16/61 xã đạt 19/19 tiêu chí, tăng 16 xã so với năm 2011 và tăng 15 xã so với năm 2015; có 7/61 xã đạt từ 15-18 tiêu chí, chiếm 11,47%, tăng 7 xã so với năm 2011 và tăng 2 xã so với năm 2015; có 27/61 xã đạt từ 10-14 tiêu chí, chiếm 44,26% tăng 27 xã so với năm 2011 và tăng 6 xã so với năm 2015 và còn 11 xã đạt từ 5-9 tiêu chí, chiếm 18,03%, giảm 04 xã so với năm 2011 và giảm 22 xã so với năm 2015; không còn xã nào dưới 5 tiêu chí (*năm 2011 có 46 xã, năm 2015 có 01 xã đạt dưới 5 tiêu chí*). Dự kiến đến năm 2020 thì sẽ đạt và vượt so với mục tiêu mà Trung ương và Tỉnh ủy, HĐND tỉnh giao.

2. Những tồn tại, hạn chế chủ yếu trong việc triển khai thực hiện Chương trình (06 tồn tại, hạn chế)

- Trong hơn 09 năm qua công tác triển khai, quán triệt về Chương trình xây dựng nông thôn mới được thực hiện tương đối hiệu quả; tuy nhiên tại một số nơi, một số địa phương thực hiện công tác quán triệt, tuyên truyền còn chưa kịp thời và mới chỉ dừng lại ở những vấn đề chung chung, thiếu chiều sâu, dẫn đến một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa hiểu rõ, hiểu đúng, hiểu đủ mục tiêu, nội dung của Chương trình. Công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp đôi khi còn chông chéo, một số ngành chưa thực sự giành nhiều thời gian, quan tâm đến việc thực hiện Chương trình và còn xem đây là nhiệm vụ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Điều phối nông thôn mới.

- Việc huy động nguồn lực cho Chương trình xây dựng nông thôn mới còn nhiều khó khăn, ngân sách đầu tư của nhà nước còn quá thấp so với yêu cầu, ngân sách Trung ương hỗ trợ trực tiếp cho Chương trình còn rất hạn chế (*bình quân mỗi xã chỉ khoảng 801 triệu đồng/năm*), trong khi đó ngân sách tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, chưa bố trí, đáp ứng được nhu cầu của các địa phương; vốn huy động trong nhân dân rất hạn chế do thu nhập của người nông dân còn thấp và bấp bênh; vốn hỗ trợ từ các doanh nghiệp không nhiều; do đó, gặp nhiều khó khăn trong việc triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

- Trong những năm qua, một số địa phương chỉ mới quan tâm, tập trung huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng, thiếu sự quan tâm, tập trung đầu tư cho vấn đề về phát triển sản xuất, nâng cao và duy trì các nếp sống, lễ hội văn hóa và bảo vệ môi trường. Chất lượng về liên kết sản xuất và chất lượng hoạt động của các Hợp tác xã còn yếu; chuyển đổi cơ cấu sản xuất ở nhiều địa phương còn mang tính tự phát, chạy theo thị trường, chưa có sự gắn kết với các doanh nghiệp; do đó thu nhập còn bấp bênh, không ổn định làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Chương trình của địa phương.

- Hiện nay tại các xã đặc biệt khó khăn đang được sự quan tâm, ưu tiên đầu tư rất lớn từ ngân sách Nhà nước, vì vậy tại một số xã, một số hộ gia đình đang có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư của Nhà nước, thiếu đi sự chủ động, phấn đấu vươn lên để thoát nghèo; do đó làm ảnh hưởng rất lớn đến việc

triển khai thực hiện Chương trình, nhất là đối với tiêu chí số 11 về hộ nghèo (nhất là ở huyện Tuy Đức và huyện Đắk G'long); do đó kết quả đạt được ở những nơi này có sự chuyển biến chậm và có sự chênh lệch ngày càng lớn đối với các địa phương khác.

- Việc bố trí cán bộ phụ trách công tác tham mưu xây dựng nông thôn mới ở các cấp, nhất là ở cấp huyện và cấp xã còn bất cập và chủ yếu là làm kiêm nhiệm; trình độ năng lực cán bộ ở một số địa phương chưa đáp ứng yêu cầu và thường xuyên có sự thay đổi, luân chuyển cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới, đồng thời chưa có chính sách, chế độ đãi ngộ để khích lệ tinh thần và yên tâm công tác nên vấn đề tham mưu thực hiện Chương trình chưa cao, thiếu chiều sâu. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở cơ sở chưa thực sự được quan tâm đúng mức, do đó đến nay nhiều địa phương còn nhiều cán bộ, công chức cấp xã chưa đạt chuẩn theo quy định.

- Đến nay toàn tỉnh đã có 16 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, tuy nhiên đa số các xã mới đạt được ở mức tối thiểu, tiệm cận so với quy định của Bộ tiêu chí; do đó chưa thực sự bền vững, khởi sắc và chưa có điểm nhấn, điểm nổi bật so với các xã khác (nhất là so với các tỉnh khác) và dễ biến động, bị rút tiêu chí xã nông thôn mới.

V. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Để triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình xây dựng nông thôn mới thì cần tổ chức thực hiện tốt một số nội dung sau:

Thứ nhất: Các cấp ủy đảng, chính quyền, các Sở, ban, ngành, đoàn thể và các địa phương phải đặt mục tiêu về thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới với một quyết tâm chính trị cao; các cơ quan, đơn vị phải có kế hoạch chỉ đạo cụ thể, chủ động, sáng tạo, sâu sát nhất là phải phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy và chính quyền các cấp; chú trọng thực hiện tốt việc sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm, kịp thời khen thưởng những tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong xây dựng nông thôn mới.

Thứ hai: Phải làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, quán triệt, phổ biến về quan điểm, mục tiêu, ý nghĩa của chương trình, tạo sự đồng thuận trong hệ thống chính trị; xác định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi khi tham gia; lấy xã làm địa bàn, nhân dân là chủ thể trong xây dựng nông thôn mới. Việc xây dựng nông thôn mới phải được tiến hành công khai, dân chủ, có sự bàn bạc thống nhất của nhân dân, do nhân dân trực tiếp làm và giám sát. Xác định rõ xây dựng nông thôn mới không chỉ là xây dựng cơ sở hạ tầng mà còn phải tạo được sự chuyển biến trong tư duy, nhận thức, tập quán sản xuất, nếp sống sinh hoạt của mỗi hộ gia đình theo hướng văn minh, đậm đà bản sắc dân tộc.

Thứ ba: Vai trò của cán bộ chủ chốt là hết sức quan trọng, nhất là trong công tác luân chuyển và bố trí cán bộ chủ chốt ở cơ sở. Thực tiễn triển khai trong thời gian qua cho thấy, ở nơi nào người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, đoàn thể thực sự quan tâm vào cuộc thường xuyên, quyết liệt và bố trí đầy đủ cán bộ tham mưu thực hiện Chương trình thì kết quả xây dựng nông thôn mới ở

nơi đó sẽ có sự chuyển biến mạnh cả về chất lượng và số lượng.

Thứ tư: Cần có cơ chế, chính sách mạnh mẽ, sát thực tế để người dân thực sự làm chủ thể, phát huy vai trò tích cực của các thôn, bon, buôn trong xây dựng nông thôn mới là yếu tố quyết định thành công của Chương trình, nhất là các chính sách đặc thù đối với các xã, thôn, bon buôn vùng đặc biệt khó khăn và vùng biên giới và các xã trong kế hoạch phân đầu đạt chuẩn.

Thứ năm: Phải xác định rõ xây dựng nông thôn mới là quá trình liên tục, lâu dài, phải có bước đi, lộ trình thích hợp với điều kiện, nguồn lực của từng địa phương, tránh bệnh thành tích, nóng vội, chủ quan, duy ý chí; cần phải có giải pháp duy trì, nâng cao các tiêu chí đã đạt và bảo đảm tính bền vững của từng tiêu chí.

Thứ sáu: Trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện phải thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ đề ra để có sự điều chỉnh và có giải pháp phù hợp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; làm tốt công tác thi đua, khen thưởng để động viên khích lệ kịp thời các địa phương làm tốt, các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho Chương trình.

Phần thứ hai **MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CẦN TIẾP TỤC THỰC HIỆN** **ĐẾN NĂM 2020**

I. DỰ KIẾN MỤC TIÊU PHÂN ĐẦU NĂM 2020

Mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020 đã được Tỉnh ủy đề ra tại Nghị quyết số 03-NQ/TU, do đó trong năm 2019-2020 tỉnh tập trung phân đầu đạt và vượt mục tiêu đã đề ra, cụ thể:

- Đến năm 2020 phân đầu có từ 18 xã và 01 huyện trở lên đạt chuẩn nông thôn mới; các xã còn lại đạt từ 10 tiêu chí trở lên;
- Bình quân mỗi xã đạt 15 tiêu chí trở lên.

(Dự kiến đến năm 2020 kết quả thực hiện các mục tiêu này sẽ đạt và vượt so với Nghị quyết đề ra, Chi tiết theo Biểu 08 đính kèm).

II. MỘT SỐ NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM CẦN TẬP TRUNG THỰC HIỆN

1. Tập trung chỉ đạo các địa phương phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2019 - 2020 hoàn thành các nội dung, tiêu chí còn lại để được xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đúng theo quy định; trong đó, chú trọng, quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ và lồng ghép, bố trí kinh phí để thực hiện nhằm đưa thị xã Gia Nghĩa được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, huyện Đắk R'lấp được công nhận đạt chuẩn huyện nông thôn mới. Đồng thời chỉ đạo các xã đã đạt chuẩn trong giai đoạn 2010 - 2016 (xã Đạo Nghĩa, Nhân Cơ, Nhân Đạo, Đức Minh, Tâm Thắng) tập trung hoàn thành các tiêu chí còn lại để được xét, công nhận đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí mới tại Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số

391/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của UBND tỉnh để làm tiền đề cho xây dựng xã nông thôn mới nâng cao trong giai đoạn tiếp theo.

2. Chỉ đạo các địa phương kiện toàn Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia các cấp, trong đó bổ sung thêm nhiệm vụ về chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030 (gọi tắt là Chương trình OCOP) để tổ chức chỉ đạo điều hành thực hiện trong giai đoạn tiếp theo.

3. Tổ chức tập trung xây dựng được các mô hình phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương; đồng thời triển khai thực hiện Đề án “Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh.

4. Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa các công trình hạ tầng thiết yếu ở vùng nông thôn nhằm từng bước đạt chuẩn theo quy định của Bộ tiêu chí và đáp ứng nhu cầu của người dân nông thôn; trong đó ưu tiên hoàn thiện các hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh như: đường giao thông, nước sinh hoạt, cơ sở vật chất văn hóa, trạm y tế, điện,...

5. Duy trì và nâng cao kết quả về giáo dục và đào tạo; phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho người dân nông thôn; tích cực vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế. Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở. Tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân tham gia thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường.

6. Rà soát các đối tượng cán bộ, công chức cấp xã chưa đạt chuẩn về trình độ, lập danh sách cử đi đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu để đạt chuẩn về trình độ. Tiếp tục nâng cao, cải thiện chất lượng các dịch vụ hành chính công ở cơ sở, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình hoạt động, giao dịch.

7. Tổ chức triển khai thực hiện các Bộ tiêu chí: Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu và Bộ tiêu chí vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới. Trong đó tập trung thực hiện thí điểm về xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu tại 05 Khu dân cư đã được UBND tỉnh thống nhất chủ trương lựa chọn làm thí điểm.

8. Nghiên cứu ban hành Kế hoạch về thực hiện Chương trình giai đoạn sau năm 2020, đề ra được mục tiêu, lộ trình phấn đấu sát thực và phù hợp với thực tế tại địa phương, tránh tình trạng nóng vội, chạy theo thành tích. Đồng thời ban hành các chính sách, văn bản pháp lý để tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trong giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030 tại địa phương.

9. Tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát trong xây dựng nông thôn mới; đồng thời phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát của cộng đồng dân cư đối với xây dựng nông thôn mới.

Phần thứ ba

ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH SAU NĂM 2020

I. QUAN ĐIỂM

Xây dựng nông thôn mới là chủ trương đúng đắn của Đảng, Nhà nước trong việc thúc đẩy phát triển phát triển vùng nông thôn để ngày càng thu hẹp khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn. Sau hơn 09 năm triển khai thực hiện Chương trình thi bộ mặt vùng nông thôn trên địa bàn tỉnh đã có nhiều khởi sắc, được đổi mới, văn minh hơn, cơ sở hạ tầng được đầu tư nâng cấp, sửa chữa ngày càng đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người dân nông thôn; chất lượng về giáo dục, y tế và phát triển văn hóa ngày càng được nâng cao; hệ thống chính trị tiếp tục được củng cố vững chắc, an ninh trật tự nông thôn luôn được giữ vững; nhất là thu nhập và điều kiện sống của người dân từng bước được cải thiện và nâng cao hơn. Vì vậy, để không ngừng nâng cao hơn nữa đời sống, vật chất tinh thần của người dân nông thôn trên địa bàn tỉnh thì trong thời gian tới sẽ tiếp tục triển khai quyết liệt, mạnh mẽ về xây dựng nông thôn mới, xây dựng được những vùng nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, là những vùng quê đáng sống, vùng quê của khởi nghiệp.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục tập trung đẩy mạnh về xây dựng nông thôn mới đạt kết quả theo chiều sâu và ngày càng bền vững hơn để không ngừng nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần cho người dân nông thôn; Xây dựng xã nông thôn mới ngày càng giàu đẹp, dân chủ, công bằng, văn minh, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất phù hợp, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển ngày càng hiện đại; môi trường sống vùng nông thôn được bảo đảm, trong lành.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2021-2025

- Đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới: Phần đầu có thêm 01 đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế: 03 huyện, thị xã).

- Xã đạt chuẩn nông thôn mới: Đến năm 2025 lũy kế có 34 xã đạt chuẩn, đạt tỷ lệ 55,7%; bình quân mỗi xã đạt từ 17,2 tiêu chí/xã.

- Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 24 xã, đạt 39,3%.

- Một số chỉ tiêu đạt kiểu mẫu:

+ Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: 02 xã.

+ Khu dân cư đạt chuẩn Khu dân cư NTM kiểu mẫu: 24 Khu dân cư.

b) Giai đoạn 2025-2030:

- Đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới: Phần đầu có thêm 01 đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế: 04 huyện, thị xã).

- Xã đạt chuẩn nông thôn mới: Đến năm 2030 lũy kế có 43 xã đạt chuẩn, đạt tỷ lệ 70,5%; bình quân mỗi xã đạt từ 18,4 tiêu chí/xã.

- Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 34 xã, đạt 55,7%.

- Một số chỉ tiêu đạt kiểu mẫu:

+ Đơn vị cấp huyện đạt chuẩn NTM kiểu mẫu: 01

+ Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: 10 xã.

+ Khu dân cư đạt chuẩn Khu dân cư NTM kiểu mẫu: 34 Khu dân cư.

(Cụ thể theo biểu 08 đính kèm)

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ THỰC HIỆN

1. Chủ động nghiên cứu ban hành các cơ chế, chính sách, các văn bản pháp lý phù hợp với tình hình mới và điều kiện thực tế tại địa phương để tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình trong giai đoạn mới.

2. Tiếp tục tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền để làm chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa nhận thức của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục phát động phong trào thi đua “Đắk Nông chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2020-2030 và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng đào tạo, tập huấn về xây dựng nông thôn mới; trong đó chú trọng tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu theo các nội dung cụ thể, chuyên đề phù hợp với tình hình thực tế và nhu cầu của địa phương.

3. Tiếp tục huy động, lồng ghép các nguồn vốn từ các Chương trình, các dự án đang thực hiện trên địa bàn để thực hiện các nội dung, mục tiêu chung của Chương trình xây dựng nông thôn mới. Ban hành các chính sách, quy chế phù hợp để huy động được sự vào cuộc, đóng góp tích cực hơn nữa từ các doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế,... nhất là từ cộng đồng dân cư trong việc triển khai các nội dung của Chương trình.

4. Đầu tư cơ bản hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống các công trình cơ sở hạ tầng ở nông thôn, đảm bảo đồng bộ, từng bước hiện đại, liên kết giữa các vùng, khu vực và ứng phó với biến đổi khí hậu.

5. Xây dựng và nhân rộng các mô hình phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị để đảm bảo duy trì ổn định đầu ra cho các sản phẩm, nâng cao hơn nữa thu nhập và chất lượng sống của người dân nông thôn. Tập trung xây dựng các mô hình về phát triển du lịch theo hướng du lịch trải nghiệm nông nghiệp gắn với tham quan các danh lam, thắng cảnh, các lễ hội văn hóa của địa phương.

6. Chỉ đạo các địa phương, nhất là các huyện, thị xã có nhiều xã đạt chuẩn nông thôn mới, nghiên cứu đặc điểm, tình hình thực tế tại địa phương để đề xuất, xây dựng được các Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, xã nông thôn mới kiểu mẫu thể hiện được đặc trưng riêng của vùng và tỉnh Đắk Nông.

7. Kiện toàn hệ thống Ban chỉ đạo các cấp, trong đó phân công cụ thể cho các thành viên trong việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững và Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Kiện toàn hệ thống giúp việc cho Ban chỉ đạo các cấp theo hướng chuyên trách, chuyên nghiệp; trong đó chú trọng việc luân chuyển, bố trí cán bộ làm công tác về xây dựng nông thôn mới để làm sao đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới nhưng phù hợp với quy định của Trung ương.

8. Triển khai thực hiện mạnh mẽ, đồng bộ, hiệu quả các Bộ tiêu chí: Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu; Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Bộ tiêu chí vườn mẫu - rẫy mẫu và Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới.

IV. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC VÀ KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Dự kiến huy động các nguồn vốn đầu tư vào khu vực nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh trong giai đoạn 2021-2015 khoảng 81.103,255 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư trực tiếp cho Chương trình: 1.261,805 tỷ đồng (*trong đó: ngân sách Trung ương 841,203 tỷ đồng; ngân sách địa phương: 420,602 tỷ đồng*), chiếm 1,56%.
- Vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án: 6.106,728 tỷ đồng, chiếm 7,53%.
- Vốn doanh nghiệp: 292,734 tỷ đồng, chiếm 0,36%.
- Vốn tín dụng thương mại: 72.258,996 tỷ đồng, chiếm 89,1%.
- Vốn huy động cộng đồng: 1.182,992 tỷ đồng, chiếm 1,45%.

Phần thứ tư

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VỚI TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỀ NGHỊ ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐỊA PHƯƠNG

I. Đối với Ban Chỉ đạo và các Bộ, ngành Trung ương

1. Đề nghị Chính phủ và các Bộ, Ban, ngành nghiên cứu và sớm ban hành khung văn bản pháp lý thực hiện Chương trình trong giai đoạn 2021-2030 để các địa phương sớm có căn cứ tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả.

2. Việc ban hành các Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn sau năm 2020, đề nghị Ban Chỉ đạo và các Bộ, ngành Trung ương xem xét, nghiên cứu ban hành, quy định theo hướng đưa ra các chỉ tiêu, định hướng chung trong việc thực hiện các nội dung cho các vùng, miền; còn việc ban hành tiêu chí cụ thể để thực hiện thì nên giao cho các địa phương tự nghiên cứu ban hành để phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế tại địa phương, đồng thời sẽ khơi dậy được sự sáng tạo và giữ gìn, phát huy được những nét đặc trưng, bản sắc riêng của từng vùng miền, từng dân tộc tại địa phương.

3. Tỉnh Đắk Nông là một tỉnh nghèo, ngân sách địa phương còn hạn chế nên việc bố trí để đầu tư xây dựng các hạng mục cơ sở hạ tầng ở nông thôn là rất hạn hẹp, chủ yếu là trông chờ vào ngân sách Trung ương, nhất là trong việc đầu tư hệ thống lưới thì chỉ trông chờ vào ngân sách Trung ương và ngành Điện. Do đó, để nâng cao chất lượng đời sống cho người dân nông thôn, nhất là ở những nơi chưa có điện hoặc điện tạm bợ, người dân tự kéo thì đề nghị Trung ương, Bộ Công thương sớm bố trí vốn để thực hiện dự án cấp điện nông thôn từ điện lưới quốc gia tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2014 - 2020 và sớm có kế hoạch bố trí thực hiện giai đoạn sau năm 2020.

4. Trong việc thực hiện Chương trình thì các Bộ, ngành Trung ương, Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương có nhiều đề án, đề tài thực hiện ở các địa phương trong xây dựng nông thôn mới. Do đó, trong thời gian tới kính đề nghị Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương và các Bộ ngành liên quan quan tâm lựa chọn tỉnh Đắk Nông để thực hiện xây dựng các đề án, đề tài, nhất là trong các lĩnh vực về nâng cao phát triển sản xuất, xây dựng mô hình du lịch gắn với xây dựng nông thôn mới, bảo vệ môi trường,....

5. Để nâng cao chất lượng tham mưu thực hiện Chương trình và có bộ máy hoạt động đồng nhất từ trên xuống dưới ở tất cả các địa phương thì đề nghị Ban chỉ đạo Trung ương, các Bộ, ngành có liên quan tham mưu Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể, thống nhất Bộ máy giúp việc cho Ban Chỉ đạo ở các cấp theo hướng đồng nhất, chuyên trách, chuyên nghiệp, từ đó mới nâng cao vai trò, trách nhiệm và yên tâm công tác trong quá trình tham mưu triển khai thực hiện Chương trình.

6. Đề nghị Chính phủ, Ban chỉ đạo Trung ương nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách riêng, đủ mạnh cho các địa phương còn gặp nhiều khó khăn và có người đồng bào dân tộc thiểu số chiếm số đông như tỉnh Đắk Nông để địa phương có thể phấn đấu vươn lên thoát nghèo và ngày càng giảm khoảng cách đối với các vùng khác. Đồng thời, xem xét tăng mức hỗ trợ cho các tỉnh để tỉnh có điều kiện thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ và mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn tới.

II. Đối với các cơ quan, đơn vị tại địa phương

1. Đối với các địa phương phấn đấu đạt chuẩn trong giai đoạn 2016 - 2020, đề nghị tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện hoàn thiện các nội dung, tiêu chí còn lại để được công nhận đạt chuẩn theo quy định, đảm bảo theo kế hoạch đã đề ra; trong đó thị xã Gia Nghĩa được công nhận thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, huyện Đắk R'lấp được công nhận đạt chuẩn huyện nông thôn mới trong năm 2019-2020.

2. Để thực hiện Chương trình có hiệu quả, đảm bảo chất lượng trong giai đoạn sau năm 2020, đề nghị các Sở, Ban, ngành liên quan và các địa phương căn cứ vào thực tế, quy định của Trung ương chủ động nghiên cứu, tham mưu xây dựng kế hoạch và các cơ chế, chính sách, văn bản pháp lý đồng bộ, đủ mạnh để thực hiện.

3. Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới chỉ là bộ khung để phấn đấu; do đó, trong quá trình thực hiện đề nghị các địa phương nghiên cứu, sáng tạo, linh hoạt và căn cứ vào đặc điểm của địa phương để xây dựng được các mô hình Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, xã nông thôn mới kiểu mẫu phù hợp với đặc trưng riêng của địa phương, đảm bảo chất lượng, tránh nóng vội, chạy theo thành tích.

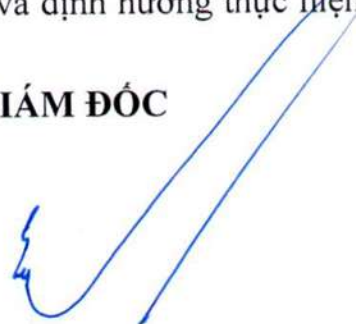
4. Trong giai đoạn tới đề nghị các Sở, Ban, ngành, các thành viên Ban Chỉ đạo quan tâm, dành nhiều thời gian hơn nữa trong việc tham mưu thực hiện Chương trình (*trong giai đoạn 2010-2020 đã có nhiều đơn vị quan tâm thực hiện tốt như Sở Giao thông vận tải, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Công thương, Hội Liên hiệp phụ nữ,...*). Đồng thời yêu cầu các đơn vị đã nhận hỗ trợ, đỡ đầu cho các xã trong xây dựng nông thôn mới thì phải nghiêm túc thực hiện việc đỡ đầu, hỗ trợ.

Trên đây là báo cáo kết quả triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 và định hướng thực hiện giai đoạn sau năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông./.

Nơi nhận: 

- UBND tỉnh;
- GD, các PGD Sở NN&PTNT;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- Lưu: VT, VPĐP (T),

GIÁM ĐỐC



Lê Trọng Yên

**MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH, VĂN BẢN CHỈ ĐẠO LỚN DO ĐỊA PHƯƠNG BAN HÀNH
ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2010-2020**

(Kèm theo Báo cáo số 2203/BC-SNN, ngày 20/9/2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông.)

| TT | Tên, số văn bản | Số, ngày, tháng ban hành | Đơn vị ban hành | Trích yếu nội dung văn bản |
|----------|-------------------------------|--------------------------|-----------------|---|
| I | GIAI ĐOẠN 2010-2015 | | | |
| 1 | Quyết định số 1823/QĐ-UBND | 16/11/2010 | UBND tỉnh | V/v thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2010-2020 |
| 2 | Quyết định 614/QĐ-BCĐXDNTM | 06/5/2011 | BCĐ tỉnh | v/v Ban hành quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới tỉnh |
| 3 | Quyết định 613/QĐ-BCĐXDNTM | 6/5/2011 | BCĐ tỉnh | v/v thành lập Văn Điều phối Chương trình MTQG XD NTM tỉnh |
| 4 | Kế hoạch số 90/KH-BCĐXDNTM | 6/5/2011 | BCĐ tỉnh | Kế hoạch triển khai thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2010-2020 |
| 5 | Quyết định số 876/QĐ-BCĐXDNTM | 28/6/2011 | BCĐ tỉnh | v/v Ban hành Quy chế hoạt động của Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG XD NTM tỉnh |
| 6 | Quyết định số 1235/QĐ-UBND | 07/9/2011 | UBND tỉnh | Về việc quy định mức phụ cấp lương cho thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh và cán Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới |
| 7 | Quyết định số 1445/QĐ-UBND | 05/10/2011 | UBND tỉnh | V/v Phân công nhiệm vụ thực hiện Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông |
| 8 | Công văn số 12/UBND-NN | 01/03/2012 | UBND tỉnh | V/v thành lập ban chỉ đạo chương trình MTQG xây dựng NTM cấp xã |

| TT | Tên, số văn bản | Số, ngày, tháng ban hành | Đơn vị ban hành | Trích yếu nội dung văn bản |
|----|-------------------------------|--------------------------|-----------------|--|
| 9 | Quyết định 235/QĐ-UBND | 20/02/2012 | UBND tỉnh | Phê duyệt Kế hoạch Tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2012-2020 |
| 10 | Thư kêu gọi số 01/TKG-UBND | 07/3/2012 | Chủ tịch UBND | Về việc kêu gọi đỡ đầu, tài trợ chung sức xây dựng nông thôn mới |
| 11 | Kế hoạch 06/KH-MT | 18/03/2012 | UBMTTQ | Tuyên truyền về CTMTQG XDNTM năm 2012 |
| 12 | Kế hoạch số 150/KH-UBND | 03/5/2012 | UBND tỉnh | Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua "Đắk Nông chung sức xây dựng nông thôn mới" |
| 13 | Quyết định 19/2012/QĐ-UBND | 11/10/2012 | UBND tỉnh | Về việc ban hành Quy định thực hiện Chương trình kiên cố hóa kênh mương và giao thông nông thôn giai đoạn 2012-2015 |
| 14 | Quyết định 01/2013/QĐ-UBND | 02/01/2013 | UBND tỉnh | Quy định cơ cấu nguồn vốn thực hiện chương trình kiên cố kênh mương và giao thông nông thôn giai đoạn 2012-2015 |
| 15 | Quyết định số 167/QĐ-UBND | 20/01/2013 | UBND tỉnh | Về việc phê duyệt danh sách đơn vị nhận đỡ đầu, hỗ trợ các xã xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh |
| 16 | Công văn 2994/UBND-NN | 11/07/2013 | UBND tỉnh | V/v tuyên truyền Chương trình MTQGXDNMTM |
| 17 | Nghị Quyết số 21/2013/NQ-HĐND | 19/07/2013 | HĐND tỉnh | Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho một số nội dung, công việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2013-2020 |
| 18 | Quyết định số 1444/QĐ-UBND | 16/09/2013 | UBND tỉnh | Về việc ban hành thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, định mức đối với các công trình giao thông nông thôn có quy mô nhỏ, kỹ thuật thi công đơn giản, có giá trị công trình ≤ 3 tỷ đồng |

| TT | Tên, số văn bản | Số, ngày, tháng ban hành | Đơn vị ban hành | Trích yếu nội dung văn bản |
|----|----------------------------|--------------------------|-----------------|---|
| 19 | Quyết định 1572/QĐ-UBND | 04/10/2013 | UBND tỉnh | Về việc triển khai Nghị quyết số 21/2013/NQ-HĐND ngày 11/9/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho một số nội dung, công việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2013-2020 |
| 20 | Quyết định 5073/UBND-NN | 15/11/2013 | UBND tỉnh | V/v Xây dựng chính sách đặc thù trong việc điều động, tăng cường cán bộ phục trách Chương trình MTQG xây dựng NTM |
| 21 | Quyết định 576/VPUBND-VX | 21/11/2013 | UBND tỉnh | V/v triển khai Đề án Đoàn TNCS HCM tham gia xây dựng nông thôn mới |
| 22 | Quyết định 772/QĐ-UBND | 27/05/2014 | UBND tỉnh | V/v ban hành bộ tiêu chí về nông thôn mới tỉnh Đắk Nông |
| 23 | Nghị quyết 09/2014/NQ-HĐND | 16/07/2014 | HĐND tỉnh | Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước cho một số nội dung, công việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2013-2020 |
| 24 | Hướng dẫn 3847/HD-UBND | 09/10/2014 | UBND tỉnh | Khen thưởng phong trào thi đua "Đắk Nông chung sức xây dựng nông thôn mới" giai đoạn 2011 -2015 |
| 25 | Kế hoạch 564/KH-BCĐ | 23/12/2014 | BCĐ tỉnh | Về đầu tư công trung hạn 5 năm thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 |
| 26 | Quyết định 94/QĐ-UBND | 20/01/2015 | UBND tỉnh | Về việc kiện toàn Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh |
| 27 | Quyết định 566/QĐ-UBND | 22/04/2015 | UBND tỉnh | Kiện toàn ban chỉ đạo chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh |
| 28 | Quyết Định 1270/QĐ-UBND | 19/08/2015 | UBND tỉnh | Thành lập hội đồng thẩm định đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông |

| TT | Tên, số văn bản | Số, ngày, tháng ban hành | Đơn vị ban hành | Trích yếu nội dung văn bản |
|-----------|---|--------------------------|-----------------|---|
| 29 | Hướng Dẫn 07/HD-BCĐ | 02/09/2015 | UBND tỉnh | Tổ chức lễ công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đăk Nông |
| 30 | Nghị Quyết 28/2015/NQ-HĐND | 10/12/2015 | HĐND tỉnh | Sửa đổi, bổ sung Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2013/NQ-HĐND ngày 19/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho một số nội dung, công việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đăk Nông giai đoạn 2013-2020 |
| 31 | Nghị Quyết 29/2015/NQ-HĐND | 11/12/2015 | HĐND tỉnh | Quy định cơ cấu nguồn vốn thực hiện Chương trình kiên cố hóa kênh mương và giao thông nông thôn giai đoạn 2016-2020 |
| | Các văn bản chỉ đạo khác của UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh và các văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện,..của các Sở, Ban, ngành..... | | | |
| II | Giai đoạn 2016-2020 | | | |
| 1 | Nghị quyết 03-NQ/TU | 05/05/2016 | Tỉnh ủy | Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 |
| 2 | Quyết định 1842/QĐ-UBND | 24/10/2016 | UBND tỉnh | V/v thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020 tỉnh Đăk Nông. |
| 3 | Quyết định 1705/QĐ-UBND | 10/05/2016 | UBND tỉnh | Ban hành Kế hoạch triển khai tuyên truyền Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 |
| 4 | Quyết định 2034/QĐ-UBND | 23/11/2016 | UBND tỉnh | V/v ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua "ĐăkNông chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020" |
| 5 | Quyết định 1404/QĐ-UBND | 15/08/2016 | UBND tỉnh | Ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 03-NQ-TU ngày 05/5/2016 của Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới |

| TT | Tên, số văn bản | Số, ngày, tháng ban hành | Đơn vị ban hành | Trích yếu nội dung văn bản |
|----|-------------------------------|--------------------------|-----------------|--|
| 6 | Quyết định 2088/QĐ-UBND | 30/11/2016 | UBND tỉnh | Thành lập hội đồng thẩm định xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông |
| 7 | Quyết định số 28/2016/QĐ-UBND | 22/08/2016 | UBND tỉnh | Ban hành Quy định thực hiện Chương trình kiên cố hóa kênh mương và giao thông nông thôn giai đoạn 2016-2020 |
| 8 | Quyết định số 292/QĐ-BCĐ | 22/02/2017 | BCĐ tỉnh | Ban hành Quy chế hoạt động Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020 tỉnh ĐắkNông |
| 9 | Quyết định 391/QĐ-UBND | 07/03/2017 | UBND tỉnh | Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 tỉnh ĐắkNông |
| 10 | Quyết định 559/QĐ-UBND | 03/04/2017 | UBND tỉnh | Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình MTQG XDNTM giai đoạn 2017-2020 tỉnh ĐắkNông |
| 11 | Quyết định 703/QĐ-UBND | 26/04/2017 | UBND tỉnh | Ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020 theo Nghị định 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ |
| 12 | Quyết định 888/QĐ-UBND | 30/05/2017 | UBND tỉnh | Ban hành thiết kế điển hình và suất đầu tư đối với các công trình, dự án xây dựng thuộc các công trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 |
| 13 | Hướng dẫn 176/HD-MT-BTT | 01/06/2017 | UBMTTQ | Hướng dẫn nội dung, cách thức, quy trình lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng nông thôn mới ở cấp huyện, xã |
| 14 | Quyết định 995/QĐ-UBND | 13/06/2017 | UBND tỉnh | Ban hành sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Đắk Nông |
| 15 | Quyết định 1122/QĐ-UBND | 04/07/2017 | UBND tỉnh | Ban hành quy định khen thưởng phong trào thi đua "ĐắkNông chung sức xây dựng nông thôn mới" giai đoạn 2017-2020 |

| TT | Tên, số văn bản | Số, ngày, tháng ban hành | Đơn vị ban hành | Trích yếu nội dung văn bản |
|----|----------------------------|--------------------------|-----------------|--|
| 16 | Nghị quyết 05/NQ-HĐND | 26/07/2017 | HĐND tỉnh | Kết quả giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2016 trên địa bàn tỉnh |
| 17 | Quyết định 17/2017/QĐ-UBND | 07/08/2017 | UBND tỉnh | Quy định về cơ chế lồng ghép và quản lý các nguồn vốn thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2020 |
| 18 | Công văn 4809/UBND-NN | 01/09/2017 | UBND tỉnh | Tập trung triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới |
| 19 | Công văn 5731/UBND-NN | 16/10/2017 | UBND tỉnh | Chấn chỉnh việc huy động sức dân trong xây dựng nông thôn mới |
| 20 | Quyết định 1999/QĐ-UBND | 19/12/2017 | UBND tỉnh | Thành lập Đoàn thẩm định mức độ đạt các tiêu chí của xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2020 |
| 21 | Quyết định 2000/QĐ-UBND | 20/12/2017 | UBND tỉnh | Thành lập Hội đồng thẩm định xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2020 |
| 22 | Công văn 1577/UBND-KTKH | 09/04/2018 | UBND tỉnh | Thực hiện Chỉ đạo của Thường trực HĐND tỉnh về xây dựng nông thôn mới |
| 23 | Quyết định 717/QĐ-UBND | 16/05/2018 | UBND tỉnh | Phê duyệt danh mục dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong Chương trình MTQG XD NTM giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh |
| 24 | Nghị quyết 04/2018/NQ-HĐND | 04/08/2018 | HĐND tỉnh | Về Quy định tỷ lệ, định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trong triển khai thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 |
| 25 | Quyết định 1298/QĐ-UBND | 24/08/2018 | UBND tỉnh | Về việc chấp thuận danh sách các xã đưa vào chỉ đạo phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông |
| 26 | Quyết định 1393/QĐ-UBND | 06/09/2018 | UBND tỉnh | Ban hành Bộ tiêu chí xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông |

| TT | Tên, số văn bản | Số, ngày, tháng ban hành | Đơn vị ban hành | Trích yếu nội dung văn bản |
|-----|---|--------------------------|-----------------|--|
| 27 | Quyết định 1457/QĐ-UBND | 17/09/2018 | UBND tỉnh | Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh |
| 28 | Quyết định 1467/QĐ-UBND | 17/09/2018 | UBND tỉnh | Ban hành Bộ tiêu chí vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh |
| 29 | Quyết định 2115/QĐ-UBND | 20/12/2018 | UBND tỉnh | Ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao |
| 30 | Quyết định 2116/QĐ-UBND | 21/12/2018 | UBND tỉnh | Ban hành sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu và vườn mẫu - rẫy mẫu |
| 31 | Chi thị 38-CT/TU | 22/01/2019 | Tỉnh ủy | Về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020 |
| 32 | Quyết định 325/QĐ-UBND | 18/03/2019 | UBND tỉnh | Bổ sung thêm nhiệm vụ thực hiện Chương trình OCOP cho Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020 |
| 33 | Quyết định 713/QĐ-BCĐ | 17/05/2019 | BCĐ tỉnh | Ban hành Kế hoạch Tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG XD NTM trên địa bàn tỉnh |
| 34 | Công văn 4245/UBND-KTN | 04/09/2019 | UBND tỉnh | Chủ trương lựa chọn Khu dân cư để xây dựng thí điểm Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu |
| ... | Các văn bản chỉ đạo khác của UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh và các văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện...của các Sở, Ban, ngành..... | | | |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
GIAI ĐOẠN 2010-2015, 2016-2018 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 2020**

(Kèm theo Báo cáo số 2203/BC-SNN, ngày 20/9/2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông.)

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Nội dung chỉ tiêu | THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2010- 2019 | Kết quả thực hiện | | | Kế hoạch 2020 |
|----------------|-----------------------------|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------|---------------------------|-------------------|
| | | | Giai đoạn 2010 - 2015 | Giai đoạn 2016 - 2018 | Ước thực hiện năm 2019 | |
| TỔNG SỐ | | 91.918.983 | 40.658.139 | 35.698.048 | 15.562.796 | 16.239.518 |
| I | NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG | 440.138 | 116.416 | 209.922 | 113.800 | 237.080 |
| 1 | Trái phiếu Chính phủ | 113.000 | 79.000 | 34.000 | 0 | 0 |
| 2 | Đầu tư phát triển | 227.742 | 13.720 | 129.022 | 85.000 | 188.680 |
| 3 | Sự nghiệp kinh tế | 99.396 | 23.696 | 46.900 | 28.800 | 48.400 |
| II | NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG | 150.917 | 9.154 | 82.367 | 59.396 | 80.000 |
| 1 | Tỉnh | 52.477 | 3.662 | 32.815 | 16.000 | 30.000 |
| 2 | Huyện | 98.440 | 5.492 | 49.552 | 43.396 | 50.000 |
| 3 | Xã | 0 | - | - | - | - |

| | | | | | | |
|------------|---|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| III | Vốn lồng ghép từ các Chương trình dự án | 7.797.305 | 3.833.365 | 2.842.940 | 1.121.000 | 1.125.000 |
| IV | Vốn tín dụng | 80.895.830 | 35.180.000 | 31.715.830 | 14.000.000 | 14.500.000 |
| 1 | Tín dụng thương mại | 80.697.268 | 35.000.000 | 31.697.268 | 14.000.000 | 14.500.000 |
| 2 | Tín dụng đầu tư phát triển | 198.562 | 180.000 | 18.562 | - | - |
| V | Vốn doanh nghiệp | 521.700 | 228.500 | 230.200 | 63.000 | 70.000 |
| VI | Cộng đồng dân cư (tiền mặt, ngày công, hiến đất đai) | 2.113.093 | 1.290.704 | 616.789 | 205.600 | 227.438 |
| 1 | Tiền mặt, ngày công, con em xa quê, từ thiện,... | 545.999 | 369.210 | 136.289 | 40.500 | 66.038 |
| 2 | Hiến đất đai, cây cối, hoa màu,... | 1.567.094 | 921.494 | 480.500 | 165.100 | 161.400 |

**KẾT QUẢ PHÂN BỐ VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ NĂM 2010 - 2019
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

(Kèm theo Báo cáo số 2203/BC-SNN, ngày 20/10/2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông.)

DVT: Triệu đồng

| TT | Đối tượng | Kế hoạch vốn được giao giai đoạn 2014-2015 | | Thực tế phân bổ giai đoạn 2014-2015 | | | Kế hoạch vốn được giao giai đoạn 2016-2019 | | Thực tế phân bổ giai đoạn 2016-2019 | | | Tổng giai đoạn 2011-2019 | | | Ghi chú |
|----|--|--|------------|-------------------------------------|------------------|------------|--|------------|-------------------------------------|------------------|------------|--------------------------|------------------|------------|--|
| | | Số xã | Thành tiền | Số xã | Vốn bình quân/xã | Thành tiền | Số xã | Thành tiền | Số xã | Vốn bình quân/xã | Thành tiền | Số xã | Vốn bình quân/xã | Thành tiền | |
| | TỔNG CỘNG | 31 | 79.000 | 31 | 2.548 | 79.000 | 30 | 34.000 | 30 | 1.133 | 34.000 | 61 | 1.852 | 113.000 | |
| 1 | CÁC XÃ ƯU TIÊN | 29 | 75.472 | 29 | 2.602 | 75.472 | 25 | 30.875 | 25 | 1.235 | 30.875 | 54 | 1.969 | 106.347 | |
| 1 | Xã ĐBK | 20 | 48.940 | 20 | 2.447 | 48.940 | 5 | 12.000 | 5 | 2400 | 12.000 | 25 | 2.438 | 60.940 | |
| | <i>Trong đó: - Xã bãi ngang</i> | 15 | 36.442 | 15 | 2.429 | 36.442 | 0 | 0 | | | 0 | 15 | 2.429 | 36.442 | |
| | <i>- Xã biên giới</i> | 5 | 12.498 | 5 | 2500 | 12.498 | 0 | 0 | | | 0 | 5 | 2.500 | 12.498 | |
| | <i>- Xã ATK</i> | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 2 | Xã thuộc Chương trình 30a | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 3 | 5.425 | 3 | 1.808 | 5.425 | 3 | 1.808 | 5.425 | 02 xã Quảng Khê, Quảng Sơn là xã ĐBK vừa là xã 30a |
| 3 | Xã diêm theo chỉ đạo của TW | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 4 | Xã phấn đấu đạt chuẩn năm 2015 | 9 | 26.532 | 9 | 2.948 | 26.532 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 9 | 2.948 | 26.532 | |
| | <i>Tr. đó xã chỉ đạo diêm của cấp tỉnh</i> | 5 | 15.532 | 5 | 3.106 | 15.532 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 5 | 3.106 | 15.532 | |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----------|---|----------|--------------|----------|--------------|--------------|----------|--------------|----------|------------|--------------|----------|------------|--------------|---|
| 5 | Xã phần đầu đạt chuẩn năm 2016-2020 | 0 | | 0 | 0 | 0 | 17 | 13.450 | 17 | 791 | 13.450 | 17 | 791 | 13.450 | Xã Đăk Ru là xã ĐBKK vừa là xã phần đầu đạt chuẩn |
| | <i>Tr.đô xã chỉ đạo điem của cấp tỉnh</i> | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 1.425 | 2 | 712,5 | 1.425 | 2 | 713 | 1.425 | |
| II | CÁC XÃ CÒN LẠI | 2 | 3.528 | 2 | 1.764 | 3.528 | 5 | 3.125 | 5 | 625 | 3.125 | 7 | 950 | 6.653 | |
| 1 | Xã đã đạt chuẩn | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 2 | Xã chưa đạt chuẩn | 2 | 3.528 | 2 | 1.764 | 3.528 | 5 | 3.125 | 5 | 625 | 3125 | 7 | 950 | 6.653 | |

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG
NÔNG THÔN MỚI TỪ NGUỒN VỐN TPCP 2010 - 2019**

*(Kèm theo Báo cáo số 2203/BC-SNN, ngày 20/9/2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh
Đắk Nông.)*

| TT | CÔNG TRÌNH | ĐVT | Lũy kế thực hiện đến 30/9/2019 | | Ghi chú |
|----|---------------------|-----|-----------------------------------|----------------|---------|
| | | | Khối lượng | Thành tiền | |
| | TỔNG CỘNG | | 87 | 113.000 | |
| 1 | Giao thông | CT | 29 | 43.965 | |
| | Đường trục xã | ct | 9 | 31.001 | |
| | Đường thôn | ct | 20 | 12.964 | |
| | Đường ngõ xóm | ct | - | - | |
| | Đường trục nội đồng | ct | - | - | |
| 2 | Thủy lợi | CT | - | - | |
| 3 | Điện | CT | - | - | |
| 4 | Trường học | CT | 29 | 35.615 | |
| | THCS | ct | 10 | 13.565 | |
| | Tiểu học | ct | 17 | 20.800 | |
| | Mầm non | ct | 2 | 1.250 | |
| 5 | Trạm y tế xã | CT | - | - | |
| 6 | CSVC Văn hóa | CT | 24 | 21.872 | |
| | Cấp xã | ct | 5 | 5.650 | |
| | Cấp thôn | ct | 19 | 16.222 | |
| 7 | Chợ | CT | 3 | 7.348 | |
| 8 | Nước sinh hoạt | CT | - | - | |
| 9 | HT thoát nước | CT | - | - | |
| 10 | Môi trường | CT | - | - | |
| 11 | Nghĩa trang | CT | - | - | |
| 12 | Trụ sở xã | CT | 1 | 3.000 | |
| 13 | Khác (sân vận động) | CT | 1 | 1.200 | |

KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA NÔNG THÔN MỚI VÀ CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN

(Kèm theo Báo cáo số 2203/BC-SNN, ngày 20/9/2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông.)

| TT | MỤC TIÊU | Hiện trạng năm 2011 | Kết quả đến 12/2015 | Kết quả đến 9/2019 | Ước thực hiện đến hết năm 2019 | Mục tiêu đến năm 2020 (theo NQ số 03-NQ/TU ngày 05/5/2016 của Tỉnh ủy) |
|----------|---|---------------------|---------------------|--------------------|--------------------------------|--|
| I | THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ | | | | | |
| 1 | Số huyện đạt chuẩn NTM | 0 | 0 | 0 | 1 | 1 |
| 2 | Số xã đạt chuẩn NTM | 0 | 1 | 16 | 22 | 18 |
| 3 | Bình quân số tiêu chí đạt trên 01 xã | 3,1 | 9,5 | 13,44 | 14,8 | 15 |
| 4.1 | Số xã đạt 19 tiêu chí | 0 | 1 | 16 | 24 | - |
| 4.2 | Số xã đạt 18 tiêu chí | 0 | 0 | 1 | 0 | - |
| 4.3 | Số xã đạt 17 tiêu chí | 0 | 0 | 1 | 0 | - |
| 4.4 | Số xã đạt 16 tiêu chí | 0 | 4 | 2 | 3 | - |
| 4.5 | Số xã đạt 15 tiêu chí | 0 | 0 | 3 | 2 | - |
| 4.6 | Số xã đạt 14 tiêu chí | 0 | 1 | 5 | 2 | - |
| 4.7 | Số xã đạt 13 tiêu chí | 0 | 5 | 4 | 4 | - |
| 4.8 | Số xã đạt 12 tiêu chí | 0 | 1 | 5 | 6 | - |
| 4.9 | Số xã đạt 11 tiêu chí | 0 | 6 | 8 | 8 | - |
| 4.10 | Số xã đạt 10 tiêu chí | 0 | 6 | 5 | 7 | - |
| 4.11 | Số xã đạt từ 5 đến 9 tiêu chí | 15 | 37 | 11 | 5 | - |
| 4.12 | Số xã đạt dưới 5 tiêu chí | 46 | 0 | 0 | 0 | - |
| 5 | Kết quả đạt chuẩn theo từng tiêu chí | | | | | |
| 5.1 | Xã đạt tiêu chí số 1 về quy hoạch | 5 | 61 | 61 | 61 | 61 |
| 5.2 | Xã đạt tiêu chí số 2 về giao thông | 0 | 7 | 30 | 30 | 20 |
| 5.3 | xã đạt tiêu chí số 3 về thủy lợi | 8 | 32 | 51 | 52 | 45 |

| TT | MỤC TIÊU | Hiện trạng năm 2011 | Kết quả đến 12/2015 | Kết quả đến 9/2019 | Ước thực hiện đến hết năm 2019 | Mục tiêu đến năm 2020 (theo NQ số 03-NQ/TU ngày 05/5/2016 của Tỉnh ủy) |
|-----------|---|---------------------|---------------------|--------------------|--------------------------------|--|
| 5.4 | xã đạt tiêu chí số 4 về điện | 8 | 28 | 49 | 47 | 48 |
| 5.5 | Xã đạt tiêu chí số 5 về trường học | 1 | 14 | 27 | 31 | 22 |
| 5.6 | Xã đạt tiêu chí số 6 về CSVC văn hóa | 0 | 6 | 28 | 30 | 18 |
| 5.7 | Xã đạt tiêu chí số 7 về chợ nông thôn | 5 | 21 | 54 | 53 | 28 |
| 5.8 | Xã đạt tiêu chí số 8 về bưu điện | 15 | 47 | 58 | 56 | 61 |
| 5.9 | Xã đạt tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư | 0 | 11 | 29 | 33 | 20 |
| 5.10 | Xã đạt tiêu chí số 10 về thu nhập | 12 | 35 | 42 | 44 | 53 |
| 5.11 | Xã đạt tiêu chí số 11 về tỷ lệ hộ nghèo | 5 | 34 | 36 | 38 | 32 |
| 5.12 | Xã đạt tiêu chí số 12 về tỷ lệ lao động có việc làm | 1 | 60 | 61 | 61 | 61 |
| 5.13 | Xã đạt tiêu chí số 13 về hình thức tổ chức SX | 14 | 38 | 47 | 47 | 56 |
| 5.14 | Xã đạt tiêu chí số 14 về giáo dục | 3 | 47 | 61 | 61 | 55 |
| 5.15 | Xã đạt tiêu chí số 15 về y tế | 39 | 15 | 44 | 46 | 40 |
| 5.16 | Xã đạt tiêu chí số 16 về văn hóa | 14 | 31 | 44 | 49 | 42 |
| 5.17 | Xã đạt tiêu chí số 17 về môi trường | 0 | 6 | 28 | 30 | 24 |
| 5.18 | Xã đạt tiêu chí số 18 về hệ thống CTXH vững mạnh | 19 | 25 | 24 | 25 | 37 |
| 5.19 | Xã đạt tiêu chí số 19 an ninh - trật tự xã hội | 40 | 53 | 46 | 49 | 49 |
| II | MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU | | | | | |
| 1 | Thu nhập BQ/người/năm (tr.đ) | 15 | 36,48 | 45,24 | 48,5 | - |
| 2 | Tỷ lệ hộ nghèo (%) | 29,25 | 15,5 | 14,07 | giảm 2,5% | - |
| 3 | Tỷ lệ lao động qua đào tạo (%) | | 24,4 | 41 | 42,5 | - |
| 4 | Tỷ lệ người dân tham gia BHYT (%) | | 64,0 | 85,0 | 87,3 | - |
| 5 | Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia (%) | | 82 | 88 | 89 | - |

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ THEO 19 TIÊU CHÍ TRÊN TOÀN TỈNH ĐẾN THÁNG 9/2019

(Kèm theo Báo cáo số 2203/BC-SNN, ngày 20/9/2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông.)

| TT | Tên huyện, xã | Đánh giá thực trạng nông thôn theo 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Kết quả đến 9/2019 | Kết quả đến năm 2015 | Kết quả năm 2011 | Năm 2019 so với năm 2015 | Năm 2019 so với năm 2011 |
|-------------------------|---------------|---|------------|----------|------|------------|------------------------|------------------------------------|---------------------------|--------------|----------|----------|----------------------|------------------|---------------------|------|---------|---------------------------------|--|-----------------------|----|--------------------|----------------------|------------------|--------------------------|--------------------------|
| | | Quy hoạch | Giao thông | Thủy lợi | Điện | Trường học | Cơ sở vật chất văn hóa | Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn | Thông tin và Truyền thông | Nhà ở dân cư | Thu nhập | Hộ nghèo | Lao động có việc làm | Tổ chức sản xuất | Giáo dục và Đào tạo | Y tế | Văn hóa | Môi trường và an toàn thực phẩm | Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật | Quốc phòng và An ninh | | | | | | |
| | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | | | | | | |
| I Huyện Cư Jút | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Xã Nam Dong | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | 19 | 13 | 6 | 6 | 13 | |
| 2 | Xã Tâm Thắng | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | 19 | 13 | 3 | 6 | 16 | |
| 3 | Xã Ea Pô | Đ | K | Đ | Đ | K | Đ | Đ | Đ | K | K | K | Đ | Đ | Đ | Đ | K | K | Đ | 12 | 10 | 1 | 2 | 11 | | |
| 4 | Xã Đăk Wil | Đ | K | Đ | Đ | K | Đ | Đ | Đ | K | K | K | Đ | Đ | Đ | Đ | K | K | Đ | 12 | 7 | 3 | 5 | 9 | | |
| 5 | Xã Cư Knia | Đ | K | Đ | Đ | K | Đ | Đ | Đ | K | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | K | Đ | Đ | 15 | 11 | 4 | 4 | 11 | | |
| 6 | Xã Đăk DRông | Đ | K | Đ | Đ | K | K | K | Đ | K | K | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | K | K | Đ | 11 | 11 | 5 | 0 | 6 | | |
| 7 | Xã Trúc Sơn | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | 19 | 7 | 3 | 12 | 16 | | |
| II Huyện Đăk Mil | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Xã Đăk N'DRót | Đ | K | Đ | Đ | K | K | Đ | Đ | K | Đ | Đ | Đ | K | Đ | Đ | K | K | K | Đ | 11 | 6 | 3 | 5 | 8 | |
| 2 | Xã Đăk Gản | Đ | K | K | Đ | K | K | Đ | Đ | K | K | K | Đ | Đ | Đ | Đ | K | K | Đ | Đ | 10 | 7 | 1 | 3 | 9 | |
| 3 | Xã Long Sơn | Đ | K | Đ | K | K | K | Đ | Đ | K | K | K | Đ | K | Đ | Đ | K | K | Đ | Đ | 9 | 6 | 0 | 3 | 9 | |
| 4 | Xã Đức Mạnh | Đ | Đ | Đ | Đ | K | K | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | K | Đ | Đ | Đ | Đ | 16 | 13 | 7 | 3 | 9 | |
| 5 | Xã Đăk R'La | Đ | K | Đ | Đ | K | K | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | K | Đ | K | Đ | Đ | Đ | Đ | 14 | 11 | 5 | 3 | 9 | |

| Đánh giá thực trạng nông thôn theo 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---------------|-----------|------------|----------|------|------------|------------------------|------------------------------------|---------------------------|--------------|----------|----------|----------------------|------------------|---------------------|------|---------|---------------------------------|--|-----------------------|--------------------|----------------------|------------------|--------------------------|--------------------------|----|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| TT | Tên huyện, xã | Quy hoạch | Giao thông | Thủy lợi | Điện | Trường học | Cơ sở vật chất văn hóa | Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn | Thông tin và Truyền thông | Nhà ở dân cư | Thu nhập | Hộ nghèo | Lao động có việc làm | Tổ chức sản xuất | Giáo dục và Đào tạo | Y tế | Văn hóa | Môi trường và an toàn thực phẩm | Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật | Quốc phòng và An ninh | Kết quả đến 9/2019 | Kết quả đến năm 2015 | Kết quả năm 2011 | Năm 2019 so với năm 2015 | Năm 2019 so với năm 2011 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 6 | Xã Thuận An | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | 19 | 10 | 7 | 9 | 12 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 7 | Xã Đắc Lao | Đ | Đ | K | Đ | K | K | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | K | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | 15 | 10 | 5 | 5 | 10 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 8 | Xã Đắc Săk | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | 19 | 13 | 5 | 6 | 14 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 9 | Xã Đức Minh | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | 19 | 16 | 10 | 3 | 9 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| III Huyện Tuy Đức | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Xã Quảng Tâm | Đ | K | Đ | K | Đ | K | K | K | K | K | K | Đ | Đ | Đ | Đ | K | K | K | Đ | 8 | 8 | 2 | 0 | 6 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Xã Đắc Ngo | Đ | K | Đ | Đ | Đ | K | K | K | K | K | K | Đ | Đ | Đ | K | K | K | K | K | 7 | 7 | 3 | 0 | 4 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Xã Đắc R'Tih | Đ | K | Đ | K | Đ | K | Đ | Đ | K | K | K | Đ | K | Đ | Đ | Đ | K | K | Đ | 10 | 9 | 1 | 1 | 9 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Xã Quảng Tân | Đ | K | Đ | Đ | Đ | K | K | Đ | K | K | K | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | K | K | Đ | 11 | 8 | 2 | 3 | 9 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Xã Đắc BukSor | Đ | K | K | K | Đ | K | Đ | Đ | K | K | K | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | K | K | K | 9 | 8 | 5 | 1 | 4 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 6 | Xã Quảng Trục | Đ | K | K | Đ | Đ | K | Đ | Đ | K | K | K | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | K | K | Đ | 11 | 10 | 2 | 1 | 9 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| IV Huyện Đắc Glong | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Xã Đắc Ha | Đ | K | Đ | Đ | K | K | K | Đ | K | K | K | Đ | K | Đ | Đ | K | K | K | K | 7 | 8 | 1 | -1 | 6 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Xã Quảng Hòa | Đ | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | Đ | K | Đ | Đ | K | K | K | Đ | 5 | 5 | 1 | 0 | 4 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Xã Đắc Rmăng | Đ | Đ | K | Đ | K | K | Đ | Đ | K | K | K | Đ | K | Đ | K | K | K | K | K | 7 | 6 | 2 | 1 | 5 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Xã Quảng Khê | Đ | Đ | Đ | K | Đ | K | Đ | Đ | K | K | K | Đ | K | Đ | Đ | K | K | K | K | 9 | 11 | 3 | -2 | 6 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Xã Quảng Sơn | Đ | K | K | Đ | K | K | Đ | Đ | K | K | K | Đ | Đ | Đ | Đ | K | K | K | K | 8 | 6 | 4 | 2 | 4 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 6 | Xã Đắc Som | Đ | Đ | K | K | K | K | K | Đ | K | K | K | Đ | K | Đ | K | Đ | K | K | K | 6 | 7 | 2 | -1 | 4 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| TT | Tên huyện, xã | Đánh giá thực trạng nông thôn theo 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----------|------------------------|---|------------|----------|------|------------|------------------------|------------------------------------|---------------------------|--------------|----------|----------|----------------------|------------------|---------------------|------|---------|---------------------------------|--|-----------------------|--------------------|----------------------|------------------|--------------------------|--------------------------|
| | | Quy hoạch | Giao thông | Thủy lợi | Điện | Trường học | Cơ sở vật chất văn hóa | Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn | Thông tin và Truyền thông | Nhà ở dân cư | Thu nhập | Hộ nghèo | Lao động có việc làm | Tổ chức sản xuất | Giáo dục và Đào tạo | Y tế | Văn hóa | Môi trường và an toàn thực phẩm | Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật | Quốc phòng và An ninh | Kết quả đến 9/2019 | Kết quả đến năm 2015 | Kết quả năm 2011 | Năm 2019 so với năm 2015 | Năm 2019 so với năm 2011 |
| | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | | | | | |
| 7 | Xã Đắk Plao | Đ | Đ | K | Đ | K | K | Đ | Đ | K | K | K | Đ | K | Đ | Đ | Đ | K | K | Đ | 10 | 10 | 4 | 0 | 6 |
| V | Huyện Đắk R'lấp | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 0 |
| 1 | Xã Kiến Thành | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | K | Đ | Đ | 18 | 11 | 3 | 7 | 15 |
| 2 | Xã Đắk Wer | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | 19 | 12 | 5 | 7 | 14 |
| 3 | Xã Nhân Cơ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | 19 | 16 | 5 | 3 | 14 |
| 4 | Xã Nhân Đạo | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | 19 | 16 | 5 | 3 | 14 |
| 5 | Xã Nghĩa Thắng | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | 19 | 14 | 3 | 5 | 16 |
| 6 | Xã Đạo Nghĩa | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | 19 | 19 | 2 | 0 | 17 |
| 7 | Xã Đắk Sin | Đ | K | Đ | K | K | K | Đ | Đ | K | Đ | Đ | Đ | Đ | K | Đ | K | K | Đ | 11 | 11 | 4 | 0 | 7 | |
| 8 | Xã Hưng Bình | Đ | K | Đ | K | K | K | Đ | Đ | K | Đ | K | Đ | Đ | Đ | Đ | K | K | Đ | 10 | 8 | 3 | 2 | 7 | |
| 9 | Xã Quảng Tín | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | 19 | 9 | 1 | 10 | 18 |
| 10 | Xã Đắk Ru | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | 19 | 8 | 1 | 11 | 18 |
| VI | Huyện Đắk Song | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 0 |
| 1 | Xã Đắk Mol | Đ | K | Đ | Đ | K | K | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | K | Đ | K | Đ | Đ | K | Đ | 13 | 7 | 3 | 6 | 10 |
| 2 | Xã Đắk Hoà | Đ | K | Đ | Đ | K | K | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | K | Đ | Đ | K | Đ | 14 | 8 | 1 | 6 | 13 | |
| 3 | Xã Nam Bình | Đ | K | Đ | Đ | K | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | K | Đ | K | K | Đ | 14 | 8 | 2 | 6 | 12 | |
| 4 | Xã Thuận Hạnh | Đ | Đ | Đ | Đ | K | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | K | Đ | 17 | 10 | 2 | 7 | 15 | |
| 5 | Xã Thuận Hà | Đ | K | Đ | K | K | K | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | K | K | K | Đ | Đ | 12 | 6 | 1 | 6 | 11 | |
| 6 | Xã Đắk N'Drung | Đ | K | Đ | Đ | K | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | K | Đ | Đ | Đ | K | K | Đ | K | K | 12 | 7 | 2 | 5 | 10 |

| TT | Tên huyện, xã | Đánh giá thực trạng nông thôn theo 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|------------------------------|----------------|---|-------------|-------------|-------------|-------------|------------------------|------------------------------------|---------------------------|--------------|-------------|-------------|----------------------|------------------|---------------------|-------------|-------------|---------------------------------|--|-----------------------|--------------------|----------------------|------------------|--------------------------|--------------------------|---|---|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|---|
| | | Quy hoạch | Giao thông | Thủy lợi | Điện | Trường học | Cơ sở vật chất văn hóa | Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn | Thông tin và Truyền thông | Nhà ở dân cư | Thu nhập | Hộ nghèo | Lao động có việc làm | Tổ chức sản xuất | Giáo dục và Đào tạo | Y tế | Văn hóa | Môi trường và an toàn thực phẩm | Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật | Quốc phòng và An ninh | Kết quả đến 9/2019 | Kết quả đến năm 2015 | Kết quả năm 2011 | Năm 2019 so với năm 2015 | Năm 2019 so với năm 2011 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 7 | Xã Năm N'Jang | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 8 | Xã Trường Xuân | Đ | K | Đ | Đ | K | K | Đ | Đ | K | Đ | K | Đ | Đ | Đ | K | K | K | K | K | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| VII Huyện Krông Nô | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 0 |
| 1 | Xã Đắk Sôr | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | K | Đ | Đ | K | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | K | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Xã Nam Đà | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Xã Nam Xuân | Đ | K | K | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | K | K | K | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | K | K | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Xã Tân Thành | Đ | K | Đ | Đ | K | Đ | Đ | Đ | K | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | K | K | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Xã Buôn Choah | Đ | K | Đ | Đ | K | K | Đ | Đ | K | Đ | K | Đ | Đ | Đ | Đ | K | K | K | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 6 | Xã Đắk Drô | Đ | K | Đ | Đ | Đ | K | Đ | Đ | K | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | K | K | K | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 7 | Xã Năm Nung | Đ | Đ | Đ | Đ | K | Đ | Đ | Đ | K | Đ | K | Đ | Đ | Đ | K | K | K | K | K | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 8 | Xã Năm N'Dir | Đ | Đ | Đ | Đ | K | Đ | Đ | Đ | K | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | K | K | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 9 | Xã Đức Xuyên | Đ | Đ | Đ | Đ | K | K | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | K | Đ | K | K | K | K | K | K | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 10 | Xã Đắk Nang | Đ | Đ | Đ | K | K | K | Đ | Đ | K | Đ | K | Đ | Đ | Đ | K | K | K | K | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 11 | Xã Quảng Phú | Đ | Đ | Đ | Đ | K | Đ | Đ | Đ | K | Đ | K | Đ | Đ | Đ | Đ | K | K | K | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| VIII Thị xã Gia Nghĩa | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 0 |
| 1 | Xã Quảng Thành | Đ | K | Đ | K | K | K | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | K | Đ | Đ | K | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Xã Đắk Nia | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Xã Đắk R'moan | Đ | K | Đ | Đ | K | K | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | K | Đ | Đ | K | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | Đ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tổng số xã đạt | | 61 | 30 | 51 | 49 | 27 | 28 | 54 | 58 | 29 | 42 | 36 | 61 | 47 | 61 | 44 | 44 | 28 | 24 | 46 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| (%) số xã đạt | | 100 | 49,2 | 83,6 | 80,3 | 44,3 | 46 | 88,5 | 95,1 | 47,5 | 68,9 | 59,0 | 100 | 77,0 | 100,0 | 72,1 | 72,1 | 45,9 | 39,3 | 75,4 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| Đánh giá thực trạng nông thôn theo 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---------------|-----------|------------|----------|------|------------|------------------------|------------------------------------|---------------------------|--------------|----------|----------|----------------------|------------------|---------------------|------|---------|---------------------------------|--|-----------------------|----------------------|------------------|--------------------------|--------------------------|
| TT | Tên huyện, xã | Quy hoạch | Giao thông | Thủy lợi | Điện | Trường học | Cơ sở vật chất văn hóa | Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn | Thông tin và Truyền thông | Nhà ở dân cư | Thu nhập | Hộ nghèo | Lao động có việc làm | Tổ chức sản xuất | Giáo dục và Đào tạo | Y tế | Văn hóa | Môi trường và an toàn thực phẩm | Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật | Quốc phòng và An ninh | Kết quả đến năm 2015 | Kết quả năm 2011 | Năm 2019 so với năm 2015 | Năm 2019 so với năm 2011 |
| | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | | | | |

| Tổng hợp số xã đạt tiêu chí đến 9/2019 | | | | | | | |
|--|----|----|--------------------------|----|----|----|-----|
| Tổng cộng | 61 | Xã | STC | | | Xã | STC |
| - Số xã đạt 0 tiêu chí: | 0 | 0 | - Số xã đạt 10 tiêu chí: | 5 | 10 | | |
| - Số xã đạt 1 tiêu chí: | 0 | 1 | - Số xã đạt 11 tiêu chí: | 8 | 11 | | |
| - Số xã đạt 2 tiêu chí: | 0 | 2 | - Số xã đạt 12 tiêu chí: | 5 | 12 | | |
| - Số xã đạt 3 tiêu chí: | 0 | 3 | - Số xã đạt 13 tiêu chí: | 4 | 13 | | |
| - Số xã đạt 4 tiêu chí: | 0 | 4 | - Số xã đạt 14 tiêu chí: | 5 | 14 | | |
| - Số xã đạt 5 tiêu chí: | 1 | 5 | - Số xã đạt 15 tiêu chí: | 3 | 15 | | |
| - Số xã đạt 6 tiêu chí: | 1 | 6 | - Số xã đạt 16 tiêu chí: | 2 | 16 | | |
| - Số xã đạt 7 tiêu chí: | 3 | 7 | - Số xã đạt 17 tiêu chí: | 1 | 17 | | |
| - Số xã đạt 8 tiêu chí: | 2 | 8 | - Số xã đạt 18 tiêu chí: | 1 | 18 | | |
| - Số xã đạt 9 tiêu chí: | 4 | 9 | - Số xã đạt 19 tiêu chí: | 16 | 19 | | |

| Số xã đạt tiêu chí theo 5 nhóm | 9/2019 | 2015 | 2011 | Năm 2019 tăng/giảm so với năm 2015 | Năm 2019 tăng/giảm so với năm 2011 |
|--|--------|------|------|------------------------------------|------------------------------------|
| Nhóm 1: 19 tiêu chí | 16 | 1 | 0 | 15 | 16 |
| Nhóm 2: từ 15-18 tiêu chí | 7 | 4 | 0 | 3 | 7 |
| Nhóm 3: từ 10-14 tiêu chí | 27 | 19 | 1 | 8 | 26 |
| Nhóm 4: từ 5-9 tiêu chí | 11 | 37 | 14 | -26 | -3 |
| Nhóm 5: từ 0-4 tiêu chí | 0 | 0 | 46 | 0 | -46 |
| Tỷ lệ bình quân số tiêu chí đạt chuẩn/xã | 13,44 | 9,50 | 3,1 | 3,94 | 10,34 |

Ghi chú:

- K: là tiêu chí chưa đạt
- Đ: là tiêu chí đạt

BIỂU 07
KẾT QUẢ ĐẠT TIÊU CHÍ CỦA TỪNG XÃ QUA CÁC NĂM

(Kèm theo Báo cáo số 203/BC-SNN, ngày 20/9/2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông.)

| TT | Tên huyện, xã | Năm 2011 | Năm 2012 | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 | Đến Tháng 9/2019 | Đến Tháng 9/2019 tăng (+), giảm (-) so với năm 2011 | Đến Tháng 9/2019 tăng (+), giảm (-) so với năm 2015 |
|-----------|----------------------|-------------|-------------|-------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|------------------|---|---|
| I | Huyện Cư Jút | 3,57 | 5,29 | 8,71 | 10,57 | 10,29 | 11,86 | 13,00 | 15,00 | 15,29 | 11,71 | 5,00 |
| 1 | Xã Nam Dong | 6 | 9 | 13 | 13 | 13 | 14 | 19 | 19 | 19 | 13 | 6 |
| 2 | Xã Tâm Thắng | 3 | 7 | 10 | 12 | 13 | 19 | 19 | 19 | 19 | 16 | 6 |
| 3 | Xã Ea Pô | 1 | 2 | 8 | 11 | 10 | 12 | 10 | 12 | 12 | 11 | 2 |
| 4 | Xã Đăk Wil | 3 | 4 | 7 | 7 | 7 | 7 | 11 | 12 | 12 | 9 | 5 |
| 5 | Xã Cư Knia | 4 | 5 | 8 | 11 | 11 | 11 | 11 | 13 | 15 | 11 | 4 |
| 6 | Xã Đăk Drông | 5 | 6 | 9 | 13 | 11 | 11 | 10 | 11 | 11 | 6 | 0 |
| 7 | Xã Trúc Sơn | 3 | 4 | 6 | 7 | 7 | 9 | 11 | 19 | 19 | 16 | 12 |
| II | Huyện Đăk Mil | 4,78 | 6,44 | 7,44 | 9,00 | 10,22 | 12,11 | 13,56 | 15,11 | 14,67 | 9,89 | 4,44 |
| 1 | Xã Đăk N'Drót | 3 | 4 | 4 | 5 | 6 | 8 | 10 | 11 | 11 | 8 | 5 |
| 2 | Xã Đăk Găn | 1 | 3 | 4 | 5 | 7 | 8 | 9 | 10 | 10 | 9 | 3 |
| 3 | Xã Long Sơn | 0 | 2 | 4 | 4 | 6 | 8 | 8 | 10 | 9 | 9 | 3 |
| 4 | Xã Đức Mạnh | 7 | 9 | 9 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 16 | 9 | 3 |
| 5 | Xã Đăk R'La | 5 | 7 | 7 | 10 | 11 | 13 | 14 | 16 | 14 | 9 | 3 |
| 6 | Xã Thuận An | 7 | 8 | 8 | 9 | 10 | 13 | 15 | 19 | 19 | 12 | 9 |
| 7 | Xã Đăk Lao | 5 | 6 | 8 | 9 | 10 | 12 | 13 | 16 | 15 | 10 | 5 |
| 8 | Xã Đăk Sắk | 5 | 7 | 9 | 11 | 13 | 14 | 19 | 19 | 19 | 14 | 6 |

| | | | | | | | | | | | | |
|------------|------------------------|-------------|-------------|-------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| 9 | Xã Đức Minh | 10 | 12 | 14 | 16 | 16 | 19 | 19 | 19 | 19 | 9 | 3 |
| III | Huyện Tuy Đức | 2,50 | 3,33 | 4,83 | 7,00 | 8,33 | 8,17 | 9,17 | 9,33 | 9,33 | 6,83 | 1,00 |
| 1 | Xã Quảng Tâm | 2 | 3 | 3 | 6 | 8 | 7 | 7 | 7 | 8 | 6 | 0 |
| 2 | Xã Đăk Ngo | 3 | 4 | 4 | 6 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 4 | 0 |
| 3 | Xã Đăk R'Tih | 1 | 2 | 4 | 6 | 9 | 9 | 10 | 10 | 10 | 9 | 1 |
| 4 | Xã Quảng Tân | 2 | 3 | 6 | 8 | 8 | 8 | 10 | 10 | 11 | 9 | 3 |
| 5 | Xã Đăk BukSor | 5 | 6 | 7 | 8 | 8 | 9 | 10 | 10 | 9 | 4 | 1 |
| 6 | Xã Quảng Trục | 2 | 2 | 5 | 8 | 10 | 9 | 11 | 12 | 11 | 9 | 1 |
| IV | Huyện Đăk Glong | 2,43 | 3,29 | 5,29 | 6,86 | 7,57 | 8,43 | 7,71 | 7,43 | 7,43 | 5,00 | -0,14 |
| 1 | Xã Đăk Ha | 1 | 2 | 5 | 7 | 8 | 9 | 8 | 7 | 7 | 6 | -1 |
| 2 | Xã Quảng Hòa | 1 | 2 | 4 | 4 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 4 | 0 |
| 3 | Xã Đăk Rmăng | 2 | 3 | 4 | 6 | 6 | 7 | 8 | 7 | 7 | 5 | 1 |
| 4 | Xã Quảng Khê | 3 | 4 | 7 | 9 | 11 | 12 | 11 | 9 | 9 | 6 | -2 |
| 5 | Xã Quảng Sơn | 4 | 5 | 6 | 7 | 6 | 8 | 7 | 8 | 8 | 4 | 2 |
| 6 | Xã Đăk Som | 2 | 3 | 5 | 7 | 7 | 7 | 6 | 6 | 6 | 4 | -1 |
| 7 | Xã Đăk P'lao | 4 | 4 | 6 | 8 | 10 | 11 | 9 | 10 | 10 | 6 | 0 |
| V | Huyện Đăk R'lấp | 3,20 | 5,20 | 8,90 | 10,30 | 12,40 | 14,10 | 14,70 | 16,10 | 17,20 | 14,00 | 4,80 |
| 1 | Xã Kiến Thành | 3 | 4 | 8 | 9 | 11 | 12 | 11 | 19 | 18 | 15 | 7 |
| 2 | Xã Đăk Wer | 5 | 4 | 9 | 10 | 12 | 15 | 19 | 19 | 19 | 14 | 7 |
| 3 | Xã Nhân Cơ | 5 | 10 | 12 | 14 | 16 | 19 | 19 | 16 | 19 | 14 | 3 |
| 4 | Xã Nhân Đạo | 5 | 6 | 11 | 16 | 16 | 19 | 19 | 15 | 19 | 14 | 3 |
| 5 | Xã Nghĩa Thắng | 3 | 5 | 9 | 10 | 14 | 16 | 19 | 19 | 19 | 16 | 5 |
| 6 | Xã Đạo Nghĩa | 2 | 9 | 14 | 13 | 19 | 19 | 19 | 16 | 19 | 17 | 0 |
| 7 | Xã Đăk Sin | 4 | 5 | 8 | 8 | 11 | 10 | 10 | 10 | 11 | 7 | 0 |
| 8 | Xã Hưng Bình | 3 | 3 | 6 | 8 | 8 | 10 | 9 | 9 | 10 | 7 | 2 |
| 9 | Xã Quảng Tín | 1 | 4 | 5 | 8 | 9 | 11 | 11 | 19 | 19 | 18 | 10 |
| 10 | Xã Đăk Ru | 1 | 2 | 7 | 7 | 8 | 10 | 11 | 19 | 19 | 18 | 11 |
| VI | Huyện Đăk Song | 2,13 | 3,88 | 6,75 | 7,63 | 8,25 | 11,13 | 12,25 | 14,13 | 13,75 | 11,63 | 5,50 |
| 1 | Xã Đăk Mol | 3 | 4 | 8 | 7 | 7 | 12 | 12 | 13 | 13 | 10 | 6 |
| 2 | Xã Đăk Hoà | 1 | 3 | 7 | 7 | 8 | 11 | 12 | 14 | 14 | 13 | 6 |

| | | | | | | | | | | | | |
|----------------------------------|-------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|-------------|
| 3 | Xã Nam Bình | 2 | 4 | 6 | 8 | 8 | 11 | 11 | 14 | 14 | 12 | 6 |
| 4 | Xã Thuận Hạnh | 2 | 4 | 7 | 8 | 10 | 12 | 14 | 16 | 17 | 15 | 7 |
| 5 | Xã Thuận Hà | 1 | 2 | 4 | 6 | 6 | 8 | 13 | 14 | 12 | 11 | 6 |
| 6 | Xã Đắc N'Drung | 2 | 3 | 7 | 7 | 7 | 10 | 10 | 12 | 12 | 10 | 5 |
| 7 | Xã Nam N'Jang | 3 | 7 | 10 | 11 | 13 | 15 | 17 | 19 | 19 | 16 | 6 |
| 8 | Xã Trường Xuân | 3 | 4 | 5 | 7 | 7 | 10 | 9 | 11 | 9 | 6 | 2 |
| VII | Huyện Krông Nô | 2,55 | 3,45 | 4,09 | 5,55 | 8,00 | 9,73 | 10,91 | 12,36 | 13,18 | 10,64 | 5,18 |
| 1 | Xã Đắc Sôr | 2 | 3 | 5 | 6 | 9 | 12 | 12 | 14 | 16 | 14 | 7 |
| 2 | Xã Nam Đà | 7 | 6 | 8 | 9 | 16 | 14 | 19 | 19 | 19 | 12 | 3 |
| 3 | Xã Nam Xuân | 1 | 2 | 2 | 3 | 5 | 7 | 9 | 11 | 12 | 11 | 7 |
| 4 | Xã Tân Thành | 2 | 4 | 3 | 3 | 5 | 8 | 9 | 12 | 14 | 12 | 9 |
| 5 | Xã Buôn Choah | 2 | 3 | 5 | 5 | 7 | 9 | 8 | 11 | 11 | 9 | 4 |
| 6 | Xã Đắc Drô | 3 | 4 | 4 | 4 | 7 | 9 | 10 | 13 | 13 | 10 | 6 |
| 7 | Xã Nâm Nung | 1 | 2 | 3 | 5 | 6 | 9 | 11 | 11 | 11 | 10 | 5 |
| 8 | Xã Nâm N'Đir | 3 | 3 | 3 | 5 | 7 | 12 | 14 | 14 | 15 | 12 | 8 |
| 9 | Xã Đức Xuyên | 3 | 5 | 6 | 8 | 9 | 10 | 11 | 10 | 11 | 8 | 2 |
| 10 | Xã Đắc Nang | 1 | 2 | 3 | 6 | 8 | 9 | 7 | 9 | 10 | 9 | 2 |
| 11 | Xã Quảng Phú | 3 | 4 | 3 | 7 | 9 | 8 | 10 | 12 | 13 | 10 | 4 |
| VIII | Thị xã Gia Nghĩa | 4,00 | 4,00 | 7,67 | 8,67 | 8,67 | 12,00 | 11,67 | 15,67 | 15,33 | 11,33 | 6,67 |
| 1 | Xã Quảng Thành | 5 | 5 | 7 | 9 | 9 | 13 | 11 | 14 | 13 | 8 | 4 |
| 2 | Xã Đắc Nĩa | 2 | 2 | 7 | 8 | 8 | 11 | 12 | 19 | 19 | 17 | 11 |
| 3 | Xã Đắc R'moan | 5 | 5 | 9 | 9 | 9 | 12 | 12 | 14 | 14 | 9 | 5 |
| Trung bình trên toàn tỉnh | | 3,10 | 4,36 | 6,60 | 8,13 | 9,5 | 11,03 | 11,84 | 13,21 | 13,44 | 10,34 | 3,94 |

Biểu 08

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐẾN NĂM 2020 VÀ MỤC TIÊU PHÂN ĐÁU GIAI ĐOẠN 2021-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Báo cáo số 203/BC-SNN, ngày 20/9/2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông.)

| TT | Nội dung | Đơn vị tính | Kết quả đến tháng 9/2019 | Dự kiến kết quả đạt đến năm 2020 | Đề xuất mục tiêu đến năm 2025 | Định hướng mục tiêu đến năm 2030 |
|----------|---|---------------|--------------------------|----------------------------------|-------------------------------|----------------------------------|
| 1 | Đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ nông thôn mới | Số huyện | 0 | 2 | 3 | 4 |
| 2 | Xã đạt chuẩn nông thôn mới | | | | | |
| 2.1 | Số xã đạt chuẩn nông thôn mới | Số xã | 16 | 24 | 34 | 43 |
| 2.2 | Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới | % | 26,23 | 39,34 | 55,7 | 70,5 |
| 2.3 | Bình quân tiêu chí/xã | Tiêu chí/xã | 13,44 | 15 | 17,2 | 18,4 |
| 3 | Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao | Số xã | 0 | 0 | 24 | 34 |
| 4 | Đạt chuẩn kiểu mẫu | | | | | |
| 4.1 | Đơn vị cấp huyện đạt chuẩn NTM kiểu mẫu | Số huyện | 0 | 0 | 0 | 1 |
| 4.2 | Số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu | Số xã | 0 | 0 | 2 | 10 |
| 4.3 | Số Khu dân cư đạt chuẩn Khu dân cư NTM kiểu mẫu | Số Khu dân cư | 0 | 5 | 24 | 34 |